

CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC VIỄN THÔNG PETROLIMEX

-----o0o-----



TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

PHẦN MỀM PORTAL – CONGDICHVU

<http://congdichvu.petrolimex.com.vn/>

HÀ NỘI, THÁNG 10 NĂM 2022

BẢNG GHI NHẬN THAY ĐỔI

*T - Thêm mới S - Sửa đổi X – Xóa

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
08/08/2023	2.3	Thêm mới	T	Bổ sung danh mục khách hàng	6.0
08/08/2023	2.4	Thêm mới	T	Bổ sung danh mục User	6.0
08/08/2023	2.6	Sửa đổi	S	Sửa danh sách nhóm phương tiện, bổ sung gắn nhóm User quản lý phương tiện	6.0
08/08/2023	2.4	Sửa đổi	S	Sửa danh sách phương tiện, bổ sung gắn nhóm User Lái xe	6.0
08/08/2023	3.1	Thêm mới	T	Bổ sung danh sách các MD khai báo cho BHTQ	6.0
08/08/2023	3.2	Thêm mới	T	Khai báo hạn mức hợp đồng	6.0
08/08/2023	PL2	Thêm mới	T	Bổ sung Bảng mô tả nhóm quyền cho User	6.0
10/08/2023	3.3	Thêm mới	T	Bổ sung mục Xem Hạn mức hợp đồng được giao	6.0
13/08/2023	2.6	Sửa đổi	S	Thêm trường từ ngày khi gán phương tiện vào nhóm phương tiện	6.0
13/08/2023	2.7	Sửa đổi	S	Thêm trường từ ngày khi gán nhóm phương tiện vào phương tiện	6.0
12/10/2023	2.2.1	Thêm mới	T	Cách thức đăng nhập với vai trò PLXID	7.0
12/10/2023	2.2.2	Thêm mới	T	Cách thức đăng nhập với vai trò khác (Đơn vị trực thuộc, Lái xe, Quản lý phương tiện)	7.0
12/10/2023	3.6	Sửa đổi	S	Bổ sung chặn hạn mức hợp đồng khi thực hiện trả hàng	7.0
12/10/2023	3.2	Sửa đổi	S	Nâng cấp nội dung Hạn mức hợp đồng	7.0
12/10/2023	2.9	Sửa đổi	S	Sửa đổi phần gửi thông báo qua SMS	7.0
07/04/2026	2.7	Sửa đổi	S	Chỉ lưu được dữ liệu tạo mới, sửa, save as, chuyển trạng thái từ ngừng hoạt động sang hoạt động cho loại phương tiện là 'ô tô' theo đúng định dạng của biển số xe	8.0
17/04/2026	2.2.4	Thêm mới	T		8.0

Ngày thay đổi	Mục, bảng, sơ đồ được thay đổi	Lý do	T* S X	Mô tả thay đổi	Phiên bản mới
15/09/2026	Phụ lục 3	Thêm mới	T	Bổ sung chức năng “Quên mã PIN” cho phép “khách PLXID là Tổ chức” hoặc “Lái xe” đặt lại mã PIN thông qua xác thực bằng mã OTP gửi qua SMS Bổ sung định dạng biển số xe của quân đội	8.0

MỤC LỤC

1.	GIỚI THIỆU CHUNG.....	1
1.1	Mục đích	1
1.2	Thuật ngữ và viết tắt	1
2.	CHỨC NĂNG CHUNG.....	2
2.1	Giới thiệu về các Command Button sử dụng chung tại Portal.....	2
2.2	Đăng nhập chương trình.....	2
2.2.1	Đăng nhập với vai trò PLXID.....	2
2.2.2	Đăng nhập với vai trò khác (Đơn vị trực thuộc, Lái xe, Quản lý phương tiện)	3
2.2.3	Đổi mật khẩu.....	4
2.2.4	Quên mã PIN	5
2.3	Xem danh sách khách hàng.....	7
2.3.1	Mục đích	7
2.3.2	Thực hiện	7
2.4	Danh sách User	7
2.4.1	Mục đích	7
2.4.2	Thực hiện	7
2.5	Xem danh sách hợp đồng.....	9
2.5.1	Mục đích	9
2.5.2	Thực hiện	9
2.6	Danh sách nhóm phương tiện	10
2.6.1	Mục đích	10
2.6.2	Thực hiện	10
2.7	Danh sách phương tiện.....	12
2.7.1	Mục đích	12
2.7.2	Thực hiện	12
2.8	Danh sách hàng hóa	14
2.8.1	Mục đích	14
2.8.2	Thực hiện	14
2.9	Gửi SMS	14
2.9.1	Thiết lập từ điển.....	14
2.9.2	Gửi SMS khi thay đổi hạn mức hợp đồng (HMHD):	15
2.9.3	Gửi SM khi thay đổi hạn mức Nhóm Phương tiện/Phương tiện (HMTN):	16
2.9.4	Gửi SMS khi trả hàng:	17
2.9.5	Gửi SMS cho lái xe – quản lý phiếu điếm	17
3.	BÁN HÀNG TOÀN QUỐC.....	17
3.1	Khai báo MasterData	17
3.1.1	Thiết lập Dm Khách hàng	17
3.1.2	Thiết lập Dm User.....	18
3.1.3	Thiết lập Dm Nhóm phương tiện.....	18

3.1.4	Thiết lập DM Phương tiện	19
3.2	Khai báo hạn mức hợp đồng	19
3.2.1	Mục đích	19
3.2.2	Quy ước chung.....	19
3.2.3	Nguyên tắc	21
3.2.4	Thực hiện	22
3.3	Xem Hạn mức hợp đồng được giao	25
3.3.1	Mục đích	25
3.3.2	Thực hiện	25
3.4	Khai báo quyền lấy hàng cho phương tiện.....	25
3.4.1	Mục đích	25
3.4.2	Thực hiện	25
3.5	Khai báo quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện	27
3.5.1	Mục đích	27
3.5.2	Thực hiện	27
3.6	Kiểm tra quyền lấy hàng khi thực hiện Trả hàng.....	28
3.6.1	Mục đích	28
3.6.2	Thực hiện	28
3.7	Khóa/Mở khóa quyền lấy hàng cho một nhóm phương tiện.....	29
3.7.1	Mục đích	29
3.7.2	Thực hiện	29
3.8	Danh sách báo cáo	30
3.8.1	Các giao dịch lấy hàng gần đây	30
3.8.2	Bảng kê lấy hàng.....	31
3.8.3	Bảng kê giao dịch theo đơn vị cấp hàng	33
3.8.4	Tình hình thực hiện hợp đồng.....	35
4.	SỬ DỤNG ĐIỂM.....	37
4.1	Tạo và quản lý phiếu điểm tại Portal	37
4.1.1	Thiết lập quyền “Quản lý phiếu điểm”	37
4.1.2	Khai báo MasterData	39
4.1.3	Tạo Phiếu điểm cho phương tiện	40
4.1.4	Trạng thái phiếu điểm – Sửa phiếu	41
4.1.5	Quản lý phiếu điểm – Gửi thông báo.....	42
4.2	Tạo lại mã PIN	42
4.2.1	Khách Tổ chức không quản lý Phiếu điểm sẽ sử dụng mã PIN của chủ hàng.....	42
4.2.2	Khách Tổ chức có sử dụng Phiếu điểm sẽ sử dụng mã PIN của lái xe.....	44
4.3	Danh sách báo cáo	47
4.3.1	Danh sách Phiếu điểm.....	47
4.3.2	Bảng tổng hợp sử dụng điểm	48
4.3.3	Lịch sử giao dịch – Tích điểm – Sử dụng điểm của ID	49
4.3.4	Báo cáo chi tiết tích điểm ID	50
	PHỤ LỤC 1: QUẢN LÝ QUYỀN LẤY HÀNG VỚI NGƯỜI NHẬN	53

PHỤ LỤC 2: BẢNG MÔ TẢ NHÓM QUYỀN CHO USER.....	54
PHỤ LỤC 3: ĐỊNH DẠNG BIÊN SỐ XE	55

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1 Mục đích

Tài liệu được xây dựng nhằm mục đích mô tả hướng dẫn người dùng sử dụng hệ thống BHTQ:

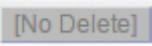
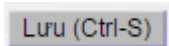
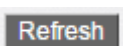
- Quản lý người dùng (user người sử dụng thông qua PLXID)
- Quản lý và giao hạn mức cho người nhận (phương tiện)
- Các báo cáo về tình hình hạn mức, tình hình mua hàng/ hóa đơn/công nợ cho theo từng người nhận/ chủ hàng.
- Kiểm tra và trả kết quả cho EGAS về hạn mức của người nhận khi người nhận đăng ký lấy hàng.
- Quản lý bảo vệ cho lái xe dùng ứng dụng trên điện thoại (trong tương lai khi phát triển Mobile-app).

1.2 Thuật ngữ và viết tắt

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Diễn giải
1.	Petrolimex, PLX	Tập đoàn xăng dầu Việt Nam
2.	PIACOM	Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex
3.	EGAS	Phần mềm quản lý cửa hàng bán lẻ xăng dầu
4.	CHXD	Cửa hàng bán lẻ xăng dầu
5.	SMS	Tin nhắn qua hệ thống số điện thoại cá nhân
6.	Portal	Cổng dịch vụ. Địa chỉ Web <i>http://congdictvu.petrolimex.com.vn</i>
7.	HMHĐ	Hạn mức hợp đồng

2. CHỨC NĂNG CHUNG

2.1 Giới thiệu về các Command Button sử dụng chung tại Portal

- Trạng thái Command Button
 - ✓ Trạng thái Command Button màu xám mờ đi là không có thao tác được với Command Button đó : 
 - ✓ Trạng thái Command Button màu đen nổi lên là chúng ta thao tác được với Command Button đó : 
- Một số Command Button thường dùng khi thao tác
 - ✓  : Dùng khi muốn nhìn dữ liệu mới nhất vừa cập nhật
 - ✓  : Dùng để quay trở về giao diện trước

2.2 Đăng nhập chương trình

2.2.1 Đăng nhập với vai trò PLXID

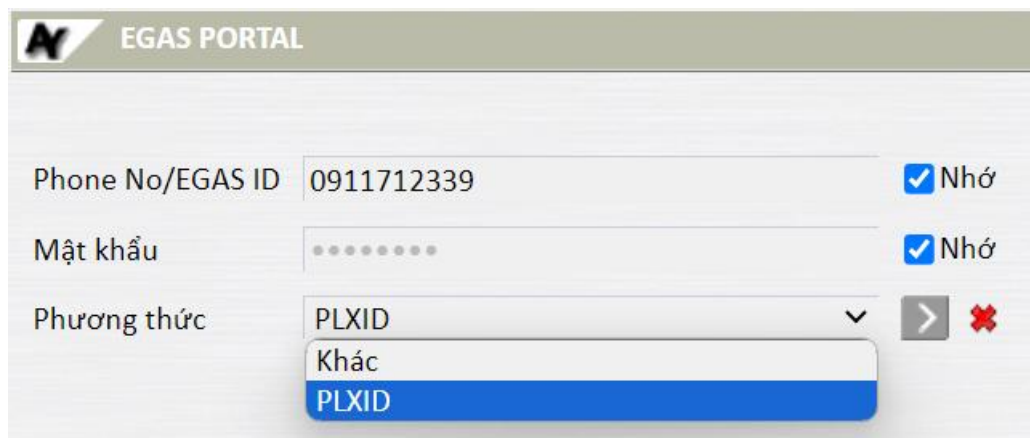
Các yêu cầu chung

- Khách hàng đã được tạo trên hệ thống PLXID.
- Sử dụng số điện thoại/ mật khẩu trên hệ thống PLXID để đăng nhập

Thực hiện

Người dùng đăng nhập vào hệ thống qua ứng dụng hoặc web: Congdichvu

Địa chỉ Web: <http://congdictvu.petrolimex.com.vn/>



- Phone No/EGAS ID: Là “Số điện thoại đăng nhập” cập nhật tại PLXID:

- Mật khẩu: Là mật khẩu đăng nhập tại PLXID
- Phương thức: **Chọn PLXID**
- Sau khi cập nhật đầy đủ các thông tin Phone No, Mật khẩu kích chọn  để đăng nhập vào hệ thống
- Giao diện chức năng:

2.2.2 Đăng nhập với vai trò khác (Đơn vị trực thuộc, Lái xe, Quản lý phương tiện)

Các yêu cầu chung

- User được tạo ra từ User PLXID và được khai báo trên hệ thống Portal
- Sử dụng Tên đăng nhập/ mật khẩu được thiết lập tại Portal để đăng nhập

Thực hiện

Người dùng đăng nhập vào hệ thống qua ứng dụng hoặc web: Congdichvu

Địa chỉ Web: <http://congdictvu.petrolimex.com.vn/>

EGAS PORTAL

Phone No/EGAS ID: 0911712339 ☒ Nhớ

Mật khẩu: ☒ Nhớ

Phương thức: Khác

Khác
Khác
PLXID

- Phone No/ EGAS ID: Mã User (thường là số điện thoại của User)
- Mật khẩu: Là mật khẩu đăng nhập của User
- Phương thức: **Chọn Khác**
- Sau khi cập nhật đầy đủ các thông tin Phone No, Mật khẩu kích chọn để đăng nhập vào hệ thống

2.2.3 **Đổi mật khẩu**

Sau khi đăng nhập vào hệ thống, kích chọn đến menu, chức năng hệ thống ra giao diện:

EGAS PORTAL

Xin chào: 0985985464

Thay đổi mật khẩu

KHÁCH HÀNG

Tên: **Nguyễn Thị Lua**

MST: 1234554321

Địa chỉ: Ha Noi

PLXID: 000037911

- Kích chọn “Thay đổi mật khẩu” :

Phone/EGAS ID: 0985985464

Mật khẩu hiện tại:

Mật khẩu mới:

Mật khẩu mới (lần 2):

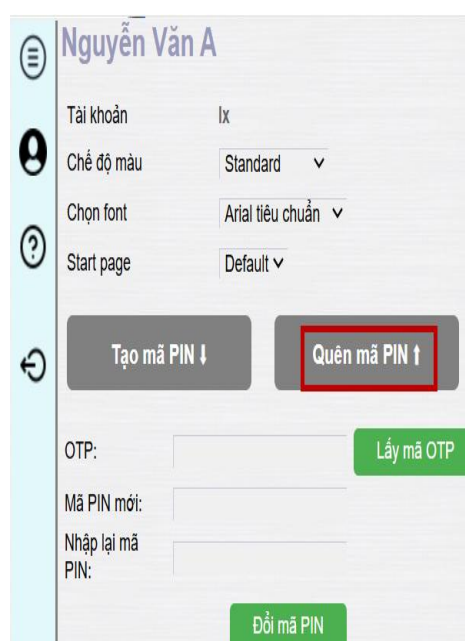
Cập nhật đầy đủ các thông tin: mật khẩu hiện tại, mật khẩu mới, mật khẩu mới (lần 2) sau đó kích nút “Đổi mật khẩu”. Chương trình sẽ đổi mật khẩu và về giao diện đăng nhập hệ thống để người dùng đăng nhập hệ thống với mật khẩu mới.

2.2.4 Quên mã PIN

- Chức năng “Quên mã PIN” cho phép “khách PLXID là Tổ chức” hoặc “Lái xe” đặt lại mã PIN thông qua xác thực bằng mã OTP gửi qua SMS.
- Chức năng “Quên mã PIN” cạnh nút “Tạo mã PIN” tại giao diện thông tin người dùng trên congdictvu (không hiển thị chức năng “Quên mã PIN” với trường hợp khởi tạo mã PIN lần đầu cho “Lái xe”).

Các bước thực hiện:

- Nhấn nút “Quên mã PIN”



- Tại giao diện “Quên mã PIN” thực hiện nhấn vào nút “Lấy mã OTP”,
 - Hệ thống gửi mã OTP qua SMS tới <Số di động> của User khách PLXID hoặc Lái xe đang Login
 - Đồng thời thông báo trên giao diện congdictvu “Mã OTP đã được gửi đến số điện thoại <Số di động> của Quý khách”



- Sau khi nhận được mã OTP, trong khoảng thời gian cho phép (mặc định =2 phút) NSD xác nhận mã OTP và mã PIN mới tại giao diện quên mã PIN
 - Mã OTP: nhập đúng mã OTP được gửi qua SMS.
 - Mã PIN mới: Nhập mã PIN mới lần 1
 - Nhập lại mã PIN: Nhập mã PIN mới lần 2
 - Nhấn Đổi mã PIN

Màn hình thông báo sau khi đổi mã PIN thành công

- Điều kiện để đổi mã PIN mới thành công:
 - Mã OTP đúng và chỉ được xác nhận 03 lần trong thời gian 02 phút. Trường hợp xác nhận không đúng cần thực hiện lại thao tác “Lấy mã OTP”
 - Mã PIN gồm 06 ký tự số
 - Mã PIN mới nhập 02 lần trùng nhau.

2.3 Xem danh sách khách hàng

2.3.1 Mục đích

Xem thông tin các khách hàng (các đơn vị thành viên) của đơn vị ký hợp đồng đã được tạo trên hệ thống Egas.

Tại Portal, Không cho phép NSD sửa/ xóa các thông tin liên quan đến khách. Khi cần thay đổi thông tin, NSD sẽ thông báo cho PLX để thực hiện khai báo trên EGAS. Sau khi, cập nhật trên EGAS dữ liệu tự động đồng bộ sang Portal.

2.3.2 Thực hiện

Đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Danh mục khách**

Khách hàng - công ty Show 100 lines

Tìm: Any

Mã khách	Tên khách	Tên tắt	PLXID	Số điện thoại	Mã số thuế	Email	Địa chỉ	Công ty mẹ	Loại khách
1 Lien901	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Sở nội vụ	000001607				Hòa Bình	-	Khách ký hợp đồng
2 901.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Cơ Sở 1	CN1-CS1					3 Trần Hưng Đạo, Phú Lâm, Hòa Bình	000001607 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Khách trực thuộc
3 901.01.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Chi nhánh 1- CS1	CN1-CS1					Hòa Bình	901.01 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Cơ Sở 1	Khách trực thuộc
4 901.02	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- CS2	CS2					Hòa Bình	000001607 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Khách trực thuộc

2.4 Danh sách User

2.4.1 Mục đích

Quản lý, tạo tài khoản truy cập Portal cho các thành viên (Đơn vị trực thuộc/Quản lý danh mục/ Lái xe)

2.4.2 Thực hiện

Cập nhật thêm lái xe qua đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Danh sách User**

Danh mục user Show 100 lines IMPORT

Thêm

Login ID	Tên đăng nhập	User Type	Điện thoại	Di động	Chat ID	Đơn vị quản lý
1 0388274484	Nguyễn Văn Huy	Quản lý nhóm phương tiện	0388274484		906417	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ
2 0395689260	Hoàng Anh Phát	Lái xe	0395689260		906417	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ
3 0396203563	Nguyễn Văn Bình	Đơn vị ký hợp đồng	0396203563		906417	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ
4 0399074426	Hà Thanh Hoa	Lái xe	0399074426		906417	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ
5 0912341025	Trần Văn Hạnh	Đơn vị trực thuộc	0912341025		906417001	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ - CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG
6 0912365423	Hoàng Văn Anh	Quản lý nhóm phương tiện	0912365423		906417004	CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG - ĐỘI XE 1
7 0912589569	Hồ Tú Anh	Lái xe	0912589569		906417001	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ - CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG
8 0912589631	Hà Văn Hòa	Đơn vị trực thuộc	0912589631		906417004	CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG - ĐỘI XE 1
9 0912895623	Vũ Văn Việt	Lái xe	0912895623		906417004	CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG - ĐỘI XE 1
10 0915235689	Trần Văn Thái	Đơn vị trực thuộc	0915235689		906417005	CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG - ĐỘI XE 2
11 0915542178	Nguyễn Văn Huy	Lái xe	0915542178		906417005	CHI NHÁNH XĂNG DẦU HẦU GIANG - ĐỘI XE 2
12 0983256423	Trần Thu Thủy	Quản lý nhóm phương tiện	0983256423		906417003	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ - CHI NHÁNH XĂNG DẦU BẠC LIÊU
13 0985632632	Hoàng Văn Anh	Lái xe	0985632632		906417003	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ - CHI NHÁNH XĂNG DẦU BẠC LIÊU
14 0988893562	Hoàng Văn Hạnh	Đơn vị trực thuộc	0988893562		906417003	CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH MTV XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ - CHI NHÁNH XĂNG DẦU BẠC LIÊU

- Để thêm mới Users kích nút **Thêm** và cập nhật các thông tin tại giao diện:

Danh mục user

< > Lưu (Ctrl-S) Xóa Back ? User: 000001606

Thông tin chung

Mã người dùng	0396203563 (*)
Tên người dùng	Nguyễn Văn Bình (*)
Tên ngắn	
Mật khẩu	(*)
User Type	Đơn vị ký hợp đồng (*)
Số ngày hết hạn	90 ngày (*)
#Concurrent Sessions	1 (*)

Liên hệ

Điện thoại	Di động	0396203563 (*)
Địa chỉ		
CCCD/CMT		MailBox

Tổ chức

Sales service	900 - PLX Portal (*)
Đơn vị quản lý	906417 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ

- + Mã người dùng: Mã người dùng là duy nhất (Gợi ý: Cập nhật số điện thoại)
- + Tên người dùng: Tên của người dùng
- + Password: thiết lập mật khẩu của người dùng

- + User Type: chức năng (Lái xe/ Đơn vị trực thuộc/ Quản lý phương tiện/ khóa không dùng)
- + Số ngày hết hạn: Số ngày phải đổi lại mật khẩu của người dùng
- + Di động: Số di động của người dùng, cần khai báo số di động chính xác để nhận SMS
- + Sales Service: mặc định là đơn vị ký hợp đồng
- + Đơn vị quản lý: Đơn vị quản lý người dùng

Sau khi cập nhật đầy đủ thông tin, kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để lưu lại thông tin

- Thực hiện phân quyền hạn cho Userss tại thẻ “Assign to Access Grp-Comp”:

[Sys Link]	User	Access Grp	
1 36179603	User CS1	TQ101 - Tạo user	☐
2 36179604	User CS1	TQ102 - Quản lý danh mục	☐
3 36179605	User CS1	TQ103 - Quản lý Quota Hạn mức	☐
4 36179606	User CS1	TQ104 - Quản lý Quota Thực hiện	☐

- Kích nút **Thêm** sau đó tại cột Access Grp chọn mã quyền mà User được quyền sử dụng (*Tham khảo phụ lục 2- Bảng mô tả nhóm quyền cho User*)
- Sau đó kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để lưu lại việc giao quyền cho User

- Thực hiện cập nhật lại mật khẩu cho User tại thẻ “**Reset Password**”:

- Cập nhật mật khẩu mới tại “**New Password**” sau đó kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để hoàn thiện việc cập nhật mật khẩu mới cho User

Lưu ý:

- User PLXID:
 - Hệ thống tự động sinh , là user admin có quyền cao nhất của Cấu trúc tổ chức của Khách và gán full quyền. Khi login cần chọn vai trò “PLXID”

- Cho phép tạo và nhìn thấy tất cả các User còn lại trong cấu trúc tổ chức của Khách
- Chỉ có thể đổi password tại hệ thống PLXID
- User khác
 - Được user PLXID tạo ra và gán quyền. Khi login cần chọn vai trò “Khách”
 - Được tạo và nhìn thấy các User khác cùng “Đơn vị quản lý” nếu được phân quyền Quản lý User
 - Cho phép đổi password tại Portal
 - Trường “Di động” cần khai báo số di động chính xác để nhận SMS

2.5 Xem danh sách hợp đồng

2.5.1 Mục đích

Theo dõi từng hợp đồng cũng như hạn mức của hợp đồng đã được đơn vị ký hợp đồng và tạo trên hệ thống Egas

- Hợp đồng: Chỉ có hạn mức tiền (không có hạn mức lượng)
 - Trả trước: Hạn mức tiền = 0
 - Trả sau: Hạn mức tiền > 0

2.5.2 Thực hiện

Tại giao diện chức năng kích chọn  hoặc tại thẻ menu, chức năng hệ thống chọn “xem danh sách hợp đồng” :



EGAS PORTAL

Xin chào: 0904989822

[Thay đổi mật khẩu](#)

KHÁCH HÀNG

Tên: Công ty TNHH Anh Nhật

MST: 6789012345

Địa chỉ: Hà Nội

PLXID: 000037870

CHỨC NĂNG

[Chọn đơn vị cung cấp dịch vụ](#)

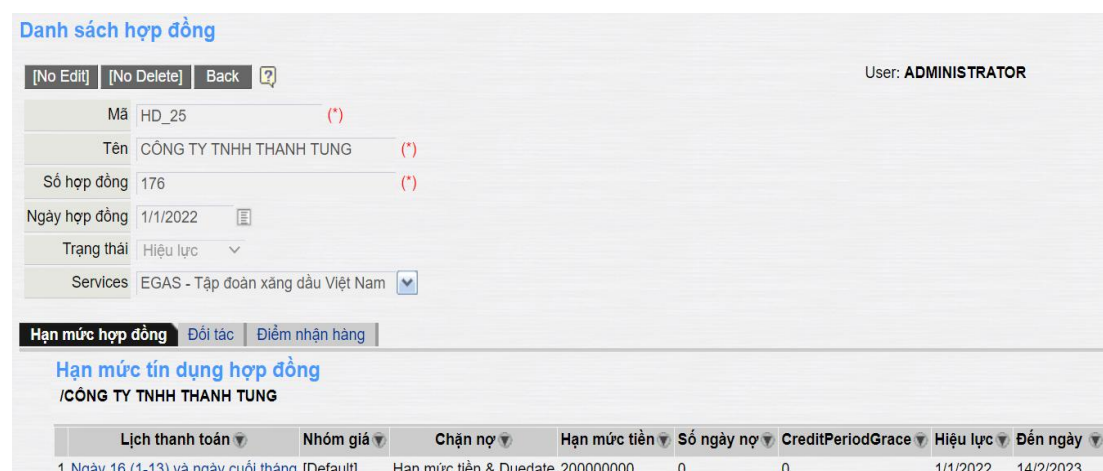
[Xem danh sách hợp đồng](#)

Danh sách hợp đồng

Tìm: Any [Đơn vị dịch vụ]

Mã	Tên	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Ghi chú	Trạng thái
1 HD_1	Hợp đồng mua XDS đợt 1 PLX-ANHNHAT1	1/1/2021	Công nợ khách Tập đoàn 1		
2 HD_3	Hợp đồng mua XDS đợt 2 PLX-ANHNHAT2	1/1/2022	Công nợ khách Tập đoàn 1		

Để xem chi tiết từng hợp đồng kích chọn vào mã hợp đồng – ký tự màu xanh



Danh sách hợp đồng

[No Edit] [No Delete] Back ?

User: ADMINISTRATOR

Mã HD_25 (*)

Tên CÔNG TY TNHH THANH TUNG (*)

Số hợp đồng 176 (*)

Ngày hợp đồng 1/1/2022

Trạng thái Hiệu lực

Services EGAS - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

Hạn mức hợp đồng [Đổi tác](#) [Điểm nhận hàng](#)

Hạn mức tín dụng hợp đồng

/CÔNG TY TNHH THANH TUNG

Lịch thanh toán	Nhóm giá	Chặn nợ	Hạn mức tiền	Số ngày nợ	CreditPeriodGrace	Hiệu lực	Đến ngày
1 Ngày 16 (1-13) và ngày cuối tháng [Default]		Hạn mức tiền & Due date	200000000	0	0	1/1/2022	14/2/2023

- Tại thẻ “**Hạn mức hợp đồng**” thể hiện các thông tin về hạn mức hợp đồng:
 - + Lịch thanh toán
 - + Nhóm giá
 - + Chặn nợ
 - + Hạn mức tiền
 - + Số ngày nợ
 - + CreditPeriodGrace: Số ngày ân hạn
 - + Thời gian bắt đầu và kết thúc hiệu lực
- Tại thẻ “**Đối tác**”: là thông tin của đơn vị ký hợp đồng và đơn vị xuất hàng của hợp đồng.

Danh sách hợp đồng

[No Edit] [No Delete] Back ?

User: ADMINISTRATOR

Mã HD_25 (*)

Tên CÔNG TY TNHH THANH TUNG (*)

Số hợp đồng 176 (*)

Ngày hợp đồng 1/1/2022

Trạng thái Hiệu lực

Services EGAS - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

Hạn mức hợp đồng **Đối tác** Điểm nhận hàng

Đối tác hợp đồng

/CÔNG TY TNHH THANH TUNG

Mã	Tên	MST	Địa chỉ	Điện thoại
1 212	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu - Cty XD KV1 - Cty TNHH MTV	0100107564-001	Số 01 Phố Thành Công, P. Thành Công, Q. Ba Đình, Hà Nội	

- Tại thẻ “**Điểm nhận hàng**”: là thông tin điểm xuất hàng theo hợp đồng

Danh sách hợp đồng

[No Edit] [No Delete] Back ?

User: ADMINISTRATOR

Mã HD_25 (*)

Tên CÔNG TY TNHH THANH TUNG (*)

Số hợp đồng 176 (*)

Ngày hợp đồng 1/1/2022

Trạng thái Hiệu lực

Services EGAS - Tập đoàn xăng dầu Việt Nam

Hạn mức hợp đồng **Đối tác** **Điểm nhận hàng**

Danh sách địa điểm nhận hàng

/CÔNG TY TNHH THANH TUNG

Tìm: Any

Mã	Tên	MST	Địa chỉ	Điện thoại	Trạng thái
1 212063	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT		Đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, TP Hà nội.	0438389693	1
2 212080	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 80 - hanhdth		Km 12, QL5A, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, TP Hà nội	0438276394	1

2.6 Danh sách nhóm phương tiện

2.6.1 Mục đích

Khai báo các nhóm phương tiện phục vụ phân quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện

2.6.2 Thực hiện

Thực hiện khai báo theo đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Danh sách nhóm phương tiện**:

Danh sách nhóm phương tiện

Thêm [Trạng thái] ▼

	Mã 🚗	Tên 📄	Trạng thái 📄 ✖
1	000001607.1	N01	Hoạt động ☐
2	000001607.2	N02	Hoạt động ☐

- Kích nút **Thêm** để thực hiện cập nhật các thông tin tại giao diện :

- + Mã nhóm: hệ thống tự động sinh
- + Tên nhóm: Tên nhóm phương tiện
- + Tên ngắn: Tên ngắn của nhóm phương tiện.
- + Trạng thái: Hoạt động/ Ngừng hoạt động

Kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để hoàn thiện việc cập nhật

- Thực hiện Gán phương tiện vào Nhóm phương tiện tại thẻ “Gán phương tiện”:

Danh sách nhóm phương tiện

<> **Lưu (Ctrl-S)** **Xóa** **Back** ?

Mã nhóm 90641701.1

Tên nhóm (*)

Tên ngắn Xăng

Trạng thái Hoạt động ▼

Gán phương tiện **Gán User**

Gán xe vào nhóm

/Nhóm Xăng

|||| **Thêm** **Lưu (Ctrl-S)** **Refresh**

[Sys] 🚗	Phương tiện ▼	Nhóm phương tiện ▼	Từ ngày ▼ ✖
1 7650	95B-98652 - 95B-98652	Nhóm Xăng	1/8/2023 ☐

Kích nút **Thêm** sau đó nhập phương tiện vào nhóm, sau đó nhập các thông tin

- + Phương tiện: Chọn trong danh sách Phương tiện (chỉ hiển thị các Phương tiện có trạng thái = Hiệu lực)
- + Từ ngày: Thời gian bắt đầu có hiệu lực

Sau đó kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để lưu lại thông tin

- Thực hiện Gán User quản lý Nhóm phương tiện tại thẻ “Gán Users”:

Danh sách phương tiện

<> **Lưu (Ctrl-S)** **Xóa** **Back** ?

Mã phương tiện 95A-12345 (*)

Số phương tiện 95A-12345

Trạng thái Hoạt động ▼

Lái xe

Gán nhóm phương tiện **Gán User Lái xe**

Gán User Lái xe

/95A-12345

|||| **Thêm** **Lưu (Ctrl-S)** **Refresh**

[Sys] 🚗	Phương tiện ▼	User lái xe ▼	Từ ngày ▼ ✖
1 7777	95A-12345	0912589569 - Hồ Tú Anh	1/8/2023 ☐

Kích nút **Thêm** sau đó nhập các thông tin

- + User: Chọn trong danh sách User (chỉ hiển thị các User được khai báo User Type = Quản lý phương tiện)
- + Từ ngày: Thời gian hiệu lực của User được quản lý (Chỉ sau khoảng thời gian này thì User mới được xem thông tin nhóm phương tiện được gán)

Sau đó kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để lưu lại thông tin

2.7 Danh sách phương tiện

2.7.1 Mục đích

Khai báo danh sách các phương tiện thuộc đơn vị quản lý

2.7.2 Thực hiện

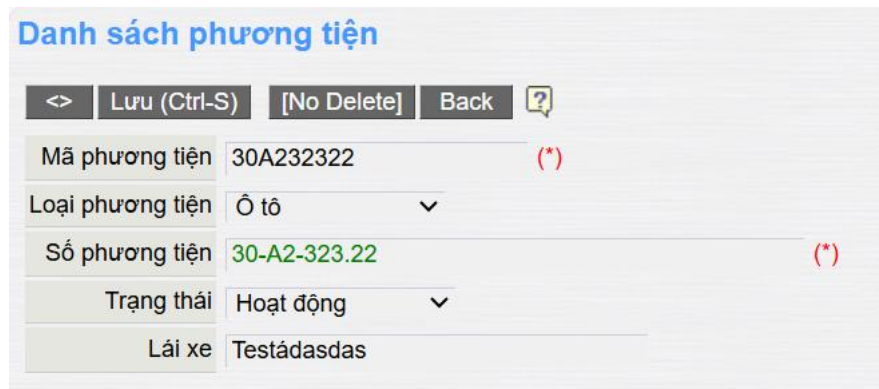
Thực hiện khai báo theo đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Danh sách phương tiện**

hoặc kích vào biểu tượng  trên thanh menu



Mã phương tiện	Số phương tiện	Trạng thái	Đơn vị quản lý	QRCode
1 29A-12345	29A-12345	Hoạt động	906417 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ	☐
2 29A-67923	29A-67923	Hoạt động	906417 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ	☐
3 29A-89789	29A-89789	Hoạt động	906417 - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XĂNG DẦU TÂY NAM BỘ	☐

- Kích nút **Thêm** và thực hiện cập nhật các thông tin tại giao diện :



Mã phương tiện	30A232322	(*)
Loại phương tiện	Ô tô	▼
Số phương tiện	30-A2-323.22	(*)
Trạng thái	Hoạt động	▼
Lái xe	Testádasdas	

- + Mã phương tiện: Mã duy nhất trên hệ thống không chứa khoảng trắng hoặc ký tự đặc biệt
- + Loại phương tiện: Chọn trong danh sách loại phương tiện
- + Số phương tiện: cập nhật số phương tiện phải đảm bảo đúng định dạng biển số xe theo Phụ lục 3 của tài liệu
- + Trạng thái: Hoạt động/ Ngừng hoạt động

Kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để hoàn thiện việc cập nhật

- Thực hiện gán phương tiện vào nhóm phương tiện

Danh sách phương tiện

User: 000001607

<> Lưu (Ctrl-S) [No Delete] Back ?

Mã phương tiện 30A232322 (*)

Loại phương tiện Ô tô

Số phương tiện 30-A2-323.22 (*)

Trạng thái Hoạt động

Lái xe Testádasdas

Gán nhóm phương tiện Gán User Lái xe

Gán nhóm xe vào xe

/30A232322

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

[Sys]	Phương tiện	Nhóm phương tiện	Từ ngày	
1 7682	30A232322	000001607.1 - Xe vận tải	7/4/2026	

Kích nút **Thêm** và nhập các thông tin

- + Nhóm Phương tiện: Chọn trong danh sách nhóm phương tiện
- + Từ ngày: Thời gian bắt đầu hiệu lực của Phương tiện khi được gán vào nhóm

Lưu ý: Một phương tiện bắt buộc phải được gán vào 1/nhiều nhóm phương tiện. Tại 1 thời điểm, 1 phương tiện chỉ thuộc 1 nhóm phương tiện.

- Gán phương tiện vào User của Lái xe tại Tab “Gán User Lái xe”.

Danh sách phương tiện

User: 000001607

<> Lưu (Ctrl-S) [No Delete] Back ?

Mã phương tiện 30A232322 (*)

Loại phương tiện Ô tô

Số phương tiện 30-A2-323.22 (*)

Trạng thái Hoạt động

Lái xe Testádasdas

Gán nhóm phương tiện **Gán User Lái xe**

Gán User Lái xe

/30A232322

Thêm Lưu (Ctrl-S) Refresh

[Sys]	Phương tiện	User lái xe	Từ ngày	
1 7815	30A232322	Luant - Nguyễn Thị Lụa	7/4/2026	

Kích nút **Thêm** sau đó nhập các thông tin

- + User lái xe: Chọn trong danh sách User (chỉ hiển thị các User được khai báo User Type = Lái xe)
- + Từ ngày: Thời gian hiệu lực user lái xe được quản lý phương tiện (sau thời gian hiệu lực này, user lái xe mới có thể xem/ view Qrcode của phương tiện được gán)

Sau đó kích nút **Lưu (Ctrl-S)** để lưu lại thông tin

Lưu ý: Thực hiện sửa/ save as/ chuyển trạng thái từ ngừng hoạt động sang hoạt động số phương tiện đều phải đảm bảo theo đúng định dạng về biển số xe tại phụ lục 3

2.8 Danh sách hàng hóa

2.8.1 Mục đích

Xem danh sách hàng hóa của đơn vị mình

2.8.2 Thực hiện

Xem tại đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Danh sách mặt hàng**

Danh sách hàng hóa

Tìm: Any ▼ ➤

	Mã	Tên	ĐVT	Trạng thái
1	0201001	Xăng RON 92-II		1
2	0201002	Xăng RON 95-II		1
3	0201003	Xăng RON 97		1
4	0201004	Xăng E5 RON 92-II		1
5	0201005	Xăng E10 RON 92		1
6	0201032	Xăng RON95-III		1
7	0201042	Xăng RON95-IV		1
8	0201052	Xăng RON95-V		1
9	0501001	Dầu hỏa		1
10	0601001	DO 0.25S		1
11	0601002	DO 0.05S-II		1
12	0601003	DO 0.5S		1
13	0601005	DO 0.001S-V		1

2.9 Gửi SMS

2.9.1 Thiết lập từ điển

- Danh sách thành viên lái xe: Cập nhật đầy đủ số di động của lái xe.
Xem hướng dẫn chi tiết tại mục 2.4
- Danh sách Phương tiện: Phương tiện được gán đầy đủ vào Phần **Gán Nhóm phương tiện** và **Gán User Lái xe**
Xem hướng dẫn chi tiết tại mục 2.6
- Danh mục user:

Danh mục user

< > Lưu (Ctrl-S) [No Delete] Back ? User: 000040532

Thông tin chung		Liên hệ	
Mã người dùng	00001 (*)	Điện thoại	0942686862 Di động 0985985464 (*)
Tên người dùng	Nguyễn Thị Lua (*)	Địa chỉ	
Tên ngân	Luant	CCCD/CMT	MailBox
Mật khẩu	(*)		
User Type	Đơn vị ký hợp đồng v (*)	Tổ chức	
Số ngày hết hạn	90 ngày v (*)	Sales service	900 - PLX Portal v (*)
#Concurrent Sessions	1 (*)	Đơn vị quản lý	000MPECCORP - Tổng công ty xăng dầu quân đội v (*)

Nhận thông báo Quyền hạn Assign to Access Grp-Comp Reset Password Permission Map

User nhận thông báo /Nguyễn Thị Lua Show 100 lines v [IMPORT] ?

	Thêm	Lưu (Ctrl-S)	Refresh
[Sys Link]	User	Loại thông báo	Status
1 37891047	Nguyễn Thị Lua	GIAO_HAN_MUC - Thông báo giao hạn mức	Nhận thông báo ☒
2 37891048	Nguyễn Thị Lua	TRA_HANG - Thông báo trả hàng	Nhận thông báo ☒
3 37891049	Nguyễn Thị Lua	GIAO_PHIEU_DIEM - Thông báo giao phiếu điểm	Nhận thông báo ☒

- Khai báo SĐT nhận thông báo tại trường "Di động"
- Khai báo User type:
 - Đơn vị ký hợp đồng
 - Đơn vị trực thuộc
 - Quản lý nhóm phương tiện
 - Lái xe
- Khai báo loại thông báo:tại phân cấu hình nhận thông báo tại tab "Nhận thông báo":
 - "GIAO_HAN_MUC" – thông báo giao hạn mức
 - "TRA_HANG"- thông báo trả hàng
 - “GIAO_PHIEU_DIEM”- thông báo giáo phiếu điểm
- Khai báo Status tại tab “nhận thông báo”:
 - Nhận thông báo: Hệ thống gửi thông báo với user khai status này
 - Không nhận thông báo: Hệ thống không gửi thông báo với user khai status này

2.9.2 **Gửi SMS khi thay đổi hạn mức hợp đồng (HMHD):**

- Sự kiện:

- (1) Thêm mới/ Đổi trạng thái từ Hết hiệu lực sang Hiệu lực. Nội dung gửi: “Đơn vị của Quý khách đã được giao hạn mức <Hạn mức tiền> tại Quyền hạn mức <Mã chứng từ>. Hạn sử dụng từ ngày <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex.”
- (2) Sửa các trường Hạn mức tiền/ Từ ngày/ Đến ngày. Nội dung gửi: “Quyền hạn mức <Mã chứng từ> của Quý khách đã được thay đổi thành < Hạn mức tiền>. Hạn sử dụng từ ngày <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex.”

- (3) Sửa các trường Đơn vị nhận. Nội dung gửi:
 - Cho Đơn vị nhận cũ: Tương tự (4)
 - Cho Đơn vị nhận mới: Tương tự (1)
- (4) Xóa/ Đổi trạng thái từ Hiệu lực sang Hết hiệu lực. Nội dung gửi: *“Quyền hạn mức <Mã chứng từ> được giao hạn mức <Hạn mức tiền> . Hạn sử dụng từ ngày <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex của Quý khách đã bị hủy”*
- User áp dụng:
 - User thuộc “Đơn vị nhận” và có user type = “Đơn vị trực thuộc” (có thể có nhiều user) tùy theo cấu hình tham số “Thông báo giao hạn mức”
 - NSD lựa chọn cấu hình theo từng user:
 - Tham số “Thông báo giao hạn mức” = Nhận thông báo: Hệ thống gửi thông báo
 - Tham số “Thông báo giao hạn mức” = Không nhận thông báo: Hệ thống không gửi thông báo.

2.9.3 **Gửi SM khi thay đổi hạn mức Nhóm Phương tiện/Phương tiện (HMTH):**

- Sự kiện:
 - (1) Thêm mới/ Đổi trạng thái từ Hủy sang Hiệu lực. Nội dung gửi: *“Số xe <Số phương tiện> của Quý khách được Thêm mới hạn mức <tổng lượng> tại Quyền lấy hàng <Mã chứng từ>. Hạn sử dụng <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex.”*
 - (2) Sửa các trường Tổng lượng/Từ ngày/Đến ngày. Nội dung gửi: *“Số xe <Số phương tiện> của Quý khách được Thay đổi hạn mức <tổng lượng> tại Quyền lấy hàng <Mã chứng từ>. Hạn sử dụng <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex.”*
 - (3) Sửa các trường Phương tiện/Nhóm phương tiện/. Nội dung gửi:
 - Cho phương tiện/nhóm phương tiện cũ: Tương tự (4)
 - Cho phương tiện/nhóm phương tiện nhận mới: Tương tự (1)
 - (4) Đổi trạng thái từ Hiệu lực sang Hủy. Nội dung gửi: *“Số xe <Số phương tiện> được giao hạn mức <tổng lượng> tại Quyền lấy hàng <Mã chứng từ>. Hạn sử dụng từ ngày <Từ ngày> đến ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng xăng dầu của Petrolimex của Quý khách đã bị hủy.”*
- User áp dụng:
 - User có user type = “Lái xe” tùy theo cấu hình tham số “Thông báo giao hạn mức”.
 - Với trường hợp giao cho nhóm phương tiện, thông báo gửi toàn bộ user đang active gắn với từng phương tiện còn active trong nhóm.
 - NSD lựa chọn cấu hình theo từng user:
 - Tham số “Thông báo giao hạn mức” = Nhận thông báo: Hệ thống gửi thông báo

- Tham số “Thông báo giao hạn mức” = Không nhận thông báo: Hệ thống không gửi thông báo.

2.9.4 **Gửi SMS khi trả hàng:**

- Sự kiện
 - Trả hàng. Nội dung gửi: “Số xe <Số phương tiện> của Quý khách đã nhận hàng thành công tại cửa hàng <Tên cửa hàng>. Giao dịch <Mã chứng từ sinh tại EGAS> <ngày giao dịch> mặt hàng < hàng hóa> số lượng <lượng thực trả> “
- User áp dụng:
 - User có HMHD với “Đơn vị giao” = “Đơn vị nhận” và user type = “Đơn vị trực thuộc” và User có user type = “Khách ký hợp đồng” (có thể có nhiều user) tùy theo cấu hình tham số “Thông báo trả hàng”
 - NSD lựa chọn cấu hình theo từng user:
 - Tham số “Thông báo trả hàng” = Nhận thông báo: Hệ thống gửi thông báo
 - Tham số “Thông báo trả hàng” = Không nhận thông báo: Hệ thống không gửi thông báo.

2.9.5 **Gửi SMS cho lái xe – quản lý phiếu điểm**

- Khi tạo mới hoặc đổi trạng thái phiếu điểm(hủy) sẽ gửi tin nhắn về thông tin phiếu điểm cho số điện thoại của lái xe được gắn với phương tiện của phiếu điểm

3. BÁN HÀNG TOÀN QUỐC

3.1 Khai báo MasterData

3.1.1 **Thiết lập Dm Khách hàng**

Khách hàng - công ty

Show 100 lines

Tìm: Any

Mã khách	Tên khách	Tên tắt	PLXID	Số điện thoại	Mã số thuế	Email	Địa chỉ	Công ty mẹ	Loại khách
1 Lien901	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Sở nội vụ	000001607				Hòa Bình	-	Khách ký hợp đồng
2 901.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Cơ Sở 1	CN1-CS1					3 Trần Hưng Đạo, Phú Lâm, Hòa Bình	000001607 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Khách trực thuộc
3 901.01.01	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Chi nhánh 1- CS1	CN1-CS1					Hòa Bình	901.01 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Cơ Sở 1	Khách trực thuộc
4 901.02	Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- CS2	CS2					Hòa Bình	000001607 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình	Khách trực thuộc

- Danh mục Khách hàng được cập nhật tại hệ thống EGAS và tự động đồng bộ từ EGAS sang Portal.
- Trường hợp khách cần khai báo thêm/ hoặc chỉnh sửa thông tin, cần thông báo cho PLX để thực hiện bổ sung/ chỉnh sửa
 - Khách ký hợp đồng (khách cấp 0): Được khai báo tại Danh mục “Khách hàng ký Hợp đồng”
 - Khách trực thuộc (khách cấp n): Được khai báo tại Danh mục “Khách hàng trực thuộc”

3.1.2 Thiết lập Dm User

Danh mục user

User: 901001 (Version: 6). History >>

Thông tin chung

Mã người dùng: 901001 (*)

Tên người dùng: User CS1 (*)

Tên ngắn: CS1

Mật khẩu: (*)

User Type: Đơn vị trực thuộc (*)

Số ngày hết hạn: 90 ngày (*)

#Concurrent Sessions: 1 (*)

Liên hệ

Điện thoại: Di động: 0988893535 (*)

Địa chỉ:

CCCD/CMT: MailBox:

Tổ chức

Sales service: 900 - Xi nghiệp bán hàng toàn quốc (*)

Đơn vị quản lý: 901.01 - Sở nội vụ tỉnh Hòa Bình- Cơ Sở 1 (*)

Quyền hạn: Assign to Access Grp-Comp Reset Password Permission Map

Access Grp to Users Assignment - CC

/User CS1

Show 100 lines [IMPORT]

[Sys Link]	User	Access Grp	
1 36179603	User CS1	TQ101 - Tao user	☐
2 36179604	User CS1	TQ102 - Quản lý danh mục	☐
3 36179605	User CS1	TQ103 - Quản lý Quota Hạn mức	☐
4 36179606	User CS1	TQ104 - Quản lý Quota Thực hiện	☐

- Tạo tài khoản truy cập Portal cho người dùng (Đơn vị trực thuộc/Quản lý danh mục/ Lái xe)
- Thực hiện phân quyền cho User theo chức năng, nhiệm vụ của từng người dùng (Tham khảo phụ lục 2- Bảng mô tả nhóm quyền User)

3.1.3 Thiết lập Dm Nhóm phương tiện

Danh sách nhóm phương tiện

Mã nhóm: 000001607.1

Tên nhóm: N01 (*)

Tên ngắn: Nhóm 01

Trạng thái: Hoạt động

Gán phương tiện Gán User

Gán xe vào nhóm

/N01

[Sys]	Phương tiện	Nhóm phương tiện	
1 39260	29A-44345 - 29A-44345	N01	☐
2 39268	19A-456789 - 19A-456789	N01	☐
3 39269	21A-98765 - 21A-98765	N01	☐

- Khai báo các nhóm phương tiện và thực hiện gán Phương tiện vào nhóm/ Gán vào User quản lý phương tiện

3.1.4 Thiết lập DM Phương tiện

- Thêm mới phương tiện và Đổi trạng thái phương tiện
- Gán vào nhóm phương tiện
- Gán vào user Lái xe

3.2 Khai báo hạn mức hợp đồng

3.2.1 Mục đích

Khai báo hạn mức hợp đồng giao cho cấp dưới/ hoặc giao cho chính nó

3.2.2 Quy ước chung

- Hợp đồng: Chỉ có hạn mức tiền (không có hạn mức lượng)
 - o Trả trước: Hạn mức tiền = 0
 - o Trả sau: Hạn mức tiền > 0
- Khách hàng/ Đơn vị:
 - o Khách có mã SAP:
 - Được khai báo tại Danh mục “Khách hàng ký Hợp đồng”, có type = “Khách Hợp đồng”
 - Tên gọi: Khách ký Hợp đồng/ Khách cấp 0
 - o Các Khách có mã SAP001, SAP002, SAP003:
 - Được khai báo tại Danh mục “Khách hàng trực thuộc” tại hệ thống Egas, có type = “Khách Trực thuộc”
 - Tên gọi: Khách trực thuộc cấp n (n>=1)
 - Ví dụ: Khách SAP001, SAP002 là khách trực thuộc cấp 1, SAP003 là khách trực thuộc cấp 2
 - o Các lưu ý:
 - Khách có type = “Khách Hợp đồng” không được trùng MST và PLXID
 - Khách có type = “Khách Trực thuộc” được trùng MST và PLXID

- Khách trực thuộc có mã = Khách ký Hợp đồng + XXX, XXX= 001..999
- Cấu trúc tổ chức thay đổi thì đổi trạng thái mã khách cũ về “Không lưu hành”, tạo mã khách mới
- Hệ thống cần đáp ứng cả hai trường hợp có/ không có Khách trực thuộc trong cấu trúc tổ chức hoặc có sự thay đổi giữa 2 loại cấu trúc này

- Các User Type:

○ Đơn vị ký Hợp đồng

- User PLXID: Do hệ thống tự động sinh khi tạo user trên hệ thống plxid, là user admin có quyền cao nhất của Cấu trúc tổ chức của Khách, cần xác thực thông qua hệ thống PLXID. Hiện tại user này:
 - Login bằng vai trò “PLXID” và không được hiển thị tại danh mục User của Portal
 - Đơn vị quản lý = Khách cấp 0
 - Chỉ có thể đổi pass tại hệ thống PLXID
 - Trường “Di động” = trường Số di động nhận OTP của hệ thống PLXID
- Các user khác được tạo ra từ user PLXID, được quản lý tại Danh mục User của Portal và login với vai trò “Khác”:
 - Trường “Di động” cần khai báo số di động chính xác để nhận SMS

○ Đơn vị trực thuộc/ Quản lý Phương tiện/ Lái xe:

- Login bằng vai trò “Khác” và được quản lý tại Danh mục User của Portal
- Đơn vị quản lý = Khách thuộc cấu trúc tổ chức

○ Lưu ý:

- Tất cả các User có xu hướng có Mã người dùng là Số điện thoại di động và là duy nhất trong hệ thống
- Tài liệu quy ước “Đơn vị quản lý của User đang thực hiện thao tác” là “Đơn vị của User”

- Hạn mức Hợp đồng cấp 0:

- Do Khách ký hợp đồng (Khách cấp 0) giao cho đơn vị trực thuộc (Khách cấp 1)
- Hoặc Do Khách cấp 0 giao cho chính nó (xảy ra trong trường hợp khách cấp 0 có con được giao Hạn mức Hợp đồng)

- Tham chiếu 1-1 nhưng không đích danh trên cơ sở tab “Hạn mức công nợ” của Hợp đồng có trạng thái Open. Có thể coi từng tab Hạn mức công nợ của Hợp đồng là cha của Hạn mức Hợp đồng cấp 0
- Hạn mức Hợp đồng cấp n: ($n \geq 1$)
 - Do Khách cấp n giao cho Khách cấp $n + 1$ (cấp trên giao cho cấp dưới)
 - Do Khách cấp n giao cho chính nó (xảy ra trong trường hợp khách cấp n có con được giao Hạn mức Hợp đồng)
 - Được tham chiếu đích danh Hạn mức Hợp đồng cấp $n - 1$
- Được đánh mã chứng từ tăng dần bắt đầu bằng tiền tố “QHM” tương tự EGAS.
 - Hạn mức Hợp đồng cấp n được hệ thống tự xác định theo “Đơn vị của User login”. “Đơn vị của User login” thuộc khách cấp nào thì Hạn mức Hợp đồng được tạo ra có cấp đó. Lưu ý trên giao diện sử dụng của NSD có 02 link:
 - “Hạn mức được giao”:
 - Cấp ký Hợp đồng: Để trống
 - Cấp Đơn vị trực thuộc: HMHD của cấp trên giao cho cấp “Đơn vị của User”
 - “Hạn mức đã giao”: HMHD của cấp “Đơn vị của User” giao cho cấp dưới hoặc cấp “Đơn vị của User” tự giao cho chính mình

3.2.3 Nguyên tắc

- Tại một thời điểm chỉ có duy nhất 01 chứng từ Hạn mức Hợp đồng hiệu lực được giao từ cấp trên và 1 hạn mức hợp đồng hiệu lực được giao từ chính nó.
- Tại một thời điểm một đơn vị chỉ có nhận HMHD hiệu lực từ:
 - Chính nó và/ hoặc
 - Cấp trên liền kề
- Thời gian hiệu lực của hạn mức hợp đồng:
 - Hạn mức hợp đồng cấp 0: Nằm trong khoảng hiệu lực của một Hợp đồng đang có hiệu lực
 - Hạn mức hợp đồng cấp n: Nằm trong khoảng hiệu lực của một hạn mức hợp đồng được giao từ cấp trên (Xem Hạn mức Hợp đồng được giao từ cấp trên tại menu: Hạn mức được giao)
- Hạn mức:
 - Tổng hạn mức của các hạn mức hợp đồng cấp 0 đang có hiệu lực không được vượt quá hạn mức Hợp đồng gốc

- Tổng hạn mức của các hạn mức hợp đồng cấp $n+1$ đang có hiệu lực không được vượt quá Tổng hạn mức của Hạn mức hợp đồng cấp n đang có hiệu lực
- Tổng hạn mức của các hạn mức hợp đồng cấp m (cấp Hạn mức cuối cùng) đang có hiệu lực cần phải lớn hơn giá trị lượng hàng thực trả (nếu có)
- Thông tin đơn vị nhận hạn mức/ Công nợ/ Hóa đơn/ Tích điểm
 - Đơn vị nhận hạn mức: là Khách cấp dưới liền kề của Đơn vị giao/ hoặc chính nó
 - Đơn vị nhận công nợ được quy định một trong hai hình thức sau:
 - Đơn vị cấp trên nhận công nợ cho Đơn vị cấp dưới lấy hàng. Cấp trên đã nhận công nợ thì cấp dưới không được quyền giao tiếp công nợ (nhưng vẫn có thể giao tiếp HMHD). Trường hợp này gọi là “HMHD có công nợ phụ thuộc” và “Đơn vị nhận hạn mức có công nợ phụ thuộc”
 - Đơn vị nào lấy hàng (Đơn vị nhận hạn mức) thì Đơn vị đó nhận công nợ. Cấp nhận công nợ được quyền giao tiếp công nợ cho cấp dưới liền kề/ chính nó. Trường hợp này gọi là “HMHD có công nợ độc lập” và “Đơn vị nhận hạn mức có công nợ độc lập” hay “Đơn vị nhận hạn mức tự chịu công nợ”
 - Đơn vị nhận hóa đơn: tương tự đơn vị nhận công nợ, là đơn vị được tích điểm.
 - Đơn vị nhận công nợ/ hóa đơn là cấp trên của “Đơn vị nhận hạn mức” thì các cấp dưới không được thay đổi. Ngược lại, Đơn vị nhận được giao tiếp xuống cấp dưới liền kề

3.2.4 **Thực hiện**

Khai báo hạn mức hợp đồng tại đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Hạn mức hợp đồng đã giao**

- Hạn mức được giao:
 - HMHD cấp 0: Không bắt buộc nhập trường này
 - Hạn mức Hợp đồng cấp n ($n \geq 1$): Bắt buộc nhập. Mặc định là Số chứng từ của HMHD cấp n - 1 được giao cho “Đơn vị của User” (thường chỉ có một)
- Mã chứng từ: Hệ thống tự sinh tăng dần, có tiền tố QHM.
- Thời gian hiệu lực:
 - Từ ngày: Bắt buộc nhập, format dd/mm/yyyy hh:mm:ss
 - Đến ngày: Bắt buộc nhập, format dd/mm/yyyy hh:mm:ss
 - HMHD cấp 0: Nằm trong khoảng thời gian hiệu lực của 01 bản ghi của tab Hạn mức công nợ có trạng thái = Open
 - HMHD cấp n ($n \geq 1$): Nằm trong khoảng hiệu lực của bản ghi được chọn tại trường “Hạn mức được giao”
- ĐV ký Hợp đồng: Mặc định là khách cấp 0, ReadOnly
- ĐV giao: Mặc định giá trị “Đơn vị của User”, ReadOnly
- ĐV nhận hạn mức: Bắt buộc nhập. Cho phép chọn một giá trị từ danh sách khách bao gồm “Đơn vị của User” (tự giao cho chính nó) và đơn vị cấp dưới liên kết của “Đơn vị của User” (chỉ được giao cho cấp dưới liên kết)
- ĐV nhận công nợ: Bắt buộc nhập
 - Trường hợp “ĐV nhận công nợ” của bản ghi “Hạn mức được giao” không phải là “Đơn vị của User” thì giữ nguyên giá trị này không được thay đổi (tình huống cấp trên đã nhận công nợ thì cấp dưới không được giao tiếp)
 - Trường hợp “ĐV nhận công nợ” của bản ghi “Hạn mức được giao” là “Đơn vị của User” thì:
 - Nếu “ĐV nhận hạn mức” là “Đơn vị của User” thì fix giá trị bằng “Đơn vị của User” (tự chịu công nợ)

- Nếu “ĐV vị nhận hạn mức” là đơn vị cấp dưới liền kề thì cho phép chọn một giá trị từ danh sách khách bao gồm “Đơn vị của User” và “ĐV nhận hạn mức” (không cho nhận công nợ kiểu bố lấy hàng con chịu công nợ hoặc anh lấy hàng, em nhận công nợ. Chỉ cho phép kiểu cấp dưới lấy hàng, cấp trên chịu công nợ hoặc đơn vị nào lấy hàng thì tự chịu công nợ)
- Nếu HMHD đã có con thì không cho sửa trường này
- ĐV nhận hóa đơn: Yêu cầu tương tự “ĐV nhận công nợ”. Nếu “ĐV nhận hóa đơn” không có PLXID thì cảnh báo lỗi nhưng vẫn cho lưu lại.
- Đơn vị tích điểm: Không có tại giao diện nhưng DB vẫn lưu trường này. Giá trị là giá trị của “ĐV nhận hóa đơn”.
- Hạn mức tiền: Bắt buộc có giá trị ≥ 0 do NSD tự nhập hoặc hệ thống tự tính toán. Có các trường hợp:
 - (1) Trường “ĐV nhận hạn mức” = trường “ĐV nhận công nợ” và “ĐV nhận” $\neq$ “ĐV giao” (trường hợp đơn vị lấy hàng tự nhận công nợ và không phải tự giao cho chính nó)
 - Giá trị tại (1) do NSD nhập và đảm bảo tổng các HMHD $\leq$ Hạn mức tiền của bản ghi “Hạn mức được giao” – Số dư nợ hiện tại
 - (2) Các trường hợp còn lại (tự giao cho chính nó hoặc cấp trên chịu công nợ - công nợ phụ thuộc): Hệ thống tự tính toán mỗi lần Thêm/ Sửa/ Xóa/ Đổi trạng thái dựa trên nguyên tắc sau:
 - Các giá trị tại (2) là bằng nhau đối với tất cả các bản ghi
 - Giá trị tại (2) = Hạn mức tiền của bản ghi “Hạn mức được giao” – Tổng (Hạn mức tiền của các bản ghi tại (1) hiệu lực). Hệ thống chỉ cho update dữ liệu nếu Giá trị tại (2) ≥ 0 và việc update áp dụng cho các bản ghi HMHD cùng cấp và tất cả các bản ghi HMHD cấp dưới thuộc trường hợp này
 - Hệ thống thực hiện kiểm tra Hạn mức tiền cho tất cả các bản ghi CÙNG CẤP khi bị thay đổi dữ liệu thành giá trị NHỎ HƠN giá trị cũ tại trường này (bao gồm việc hệ thống tự động update các bản ghi tại (2)). Nếu vi phạm hạn mức công nợ không update và thông báo lỗi tương ứng
 - Cảnh báo/ Thông báo và chặn lỗi chi tiết tham khảo thêm tại testcase
- Chặn công nợ: ReadOnly, theo Hợp đồng
- Trạng thái: Hiệu lực/ Hết hiệu lực

- Gửi thông báo cho người nhận hạn mức:
 - Hình thức gửi: SMS/ qua App nếu user có PLXID/ không có PLXID
 - Chi tiết nghiệp vụ: Theo mục 2.9.2

3.3 Xem Hạn mức hợp đồng được giao

3.3.1 Mục đích

Xem các hạn mức hợp đồng được giao từ cấp trên liền kề

3.3.2 Thực hiện

Đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Hạn mức được giao**

Hệ thống mặc định chỉ hiển thị danh sách các HMHĐ có trạng thái = “Hiệu lực” và có đến ngày > ngày giờ hiện tại. NSD có thể lọc trạng thái = “Tất cả/ Hiệu lực/ Hết hiệu lực” để xem danh sách các HMHĐ tương ứng. Để xem chi tiết Hạn mức hợp đồng, NSD kích vào Mã chứng từ tương ứng.

Tại giao diện này, NSD chỉ xem thông tin HMHĐ được giao, không được thay đổi thông tin HMHĐ này. Muốn thay đổi, cần báo đơn vị quản lý cấp trên thực hiện sửa lại HMHĐ

3.4 Khai báo quyền lấy hàng cho phương tiện

3.4.1 Mục đích

Khai báo hàng hóa, số lượng mà phương tiện được lấy theo từng khoảng thời gian

3.4.2 Thực hiện

Khai báo quyền lấy hàng tại đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Quyền lấy hàng theo phương tiện**

Khai báo quyền lấy hàng theo phương tiện

/Hiệu lực

Thêm Tìm: Any

[Số xe]: [Nhóm hàng hóa]: [Hàng hóa]:

[Từ ngày]: [Enter] [Đến ngày]: [Enter] [Hiệu lực]:

[Sys]	Phương tiện	Nhóm hàng	Hàng hóa	Tổng lượng	Lượng theo tháng	Lượng theo tuần	Lượng theo ngày	Từ ngày	Đến ngày	Trạng thái
1 QD.117	70T-12345	Nhiên liệu xăng		5000	0	0	0	29/8/2022 15:00	29/8/2022 16:00	Hiệu lực
2 QD.118	70T-12345	Nhiên liệu xăng		1000	0	0	0	29/8/2022 16:07	29/8/2022 16:15	Hiệu lực

- Để cập nhật khai báo thêm phương tiện kích nút **Thêm** và thực hiện cập nhật các thông tin:
 - + Phương tiện: chọn phương tiện trong danh sách tại cột phương tiện
 - + Nhóm mặt hàng: chọn mã nhóm mặt hàng.
 - + Hàng hóa: chọn hàng hóa trong danh sách hàng hóa.
 - + Tổng lượng: Tổng lượng mà phương tiện được lấy hàng (Bắt buộc phải lớn hơn 0)
 - + Lượng theo tháng: Tổng lượng tối đa theo tháng mà phương tiện được lấy (Nếu không chặn Lượng theo tháng, NSD khai báo Lượng theo tháng =0. Ngược lại, khai báo Lượng theo tháng phải lớn hơn 0)
 - + Lượng theo tuần: Tổng lượng tối đa theo tuần mà phương tiện được lấy (tương tự lượng theo tháng)
 - + Lượng theo ngày: Tổng lượng tối đa theo ngày mà phương tiện được lấy (tương tự lượng theo tháng)
 - + Từ ngày, đến ngày: Khoảng thời gian áp dụng quyền lấy hàng.
 - + Trạng thái: Còn Hiệu lực/ Hết hiệu lực của quyền lấy hàng theo phương tiện

Kích nút **Lưu (Ctrl-S)** lưu lại nội dung vừa thêm hoặc cập nhật/ thay đổi

- Để sửa hoặc xóa quyền lấy hàng ta kích chọn quyền lấy hàng bằng cách kích ký tự màu xanh tại cột SYS:

Khai báo quyền lấy hàng theo phương tiện

<> Lưu (Ctrl-S) Xóa Back

[Sys] **QD.117 (*)**

Phương tiện **70T-12345 (*)**

Nhóm hàng 0201 - Nhiên liệu xăng

Hàng hóa

Tổng lượng 5 000 (*)

Lượng theo tháng 0 (*)

Lượng theo tuần 0 (*)

Lượng theo ngày 0 (*)

Từ ngày 29/8/2022 15:00 (*)

Đến ngày 29/8/2022 16:00

Trạng thái Hiệu lực (*)

- + Để xóa quyền lấy hàng kích nút **Xóa**.
- + Để sửa thông tin quyền lấy hàng sau khi cập nhật thông tin cần sửa đổi kích nút **Lưu (Ctrl-S)**

- Trường hợp muốn xem các phương tiện đã được khai báo quyền lấy hàng trong một khoảng thời gian chương trình có các tham số lọc để người dùng chạy lọc số liệu theo dõi từng xe

[Sys]	Phương tiện	Nhóm hàng	Hàng hóa	Tổng lượng	Lượng theo tháng	Lượng theo tuần	Lượng theo ngày	Từ ngày	Đến ngày	Trạng thái
1	QD.117 70T-12345	Nhiên liệu xăng		5000	0	0	0	29/8/2022 15:00	29/8/2022 16:00	Hiệu lực
2	QD.118 70T-12345	Nhiên liệu xăng		1000	0	0	0	29/8/2022 16:07	29/8/2022 16:15	Hiệu lực

- + Số xe: Nhập số xe cần theo dõi
- + Nhóm hàng hóa: Chọn mã nhóm hàng
- + Hàng hóa: Chọn hàng hóa trong danh sách
- + Từ ngày... Đến ngày: Nhập thời gian Từ ngày....Đến ngày cần lọc số liệu

Quyền lấy hàng của nhóm phương tiện sẽ được hệ thống kiểm tra theo nội dung tại [phụ lục 1](#) của tài liệu.

3.5 Khai báo quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện

3.5.1 Mục đích

Khai báo quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện thuộc khách hàng

3.5.2 Thực hiện

Khai báo tại đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện**

[Sys]	N.Phương tiện	Nhóm hàng	Hàng hóa	Tổng lượng	Lượng theo tháng	Lượng theo tuần	Lượng theo ngày	Từ ngày	Đến ngày	Trạng thái
1	QG.37924 oto	Nhiên liệu xăng		5000	0	0	0	18/8/2022 11:26	31/12/2022 11:26	Hiệu lực

- Để cập nhật khai báo thêm phương tiện kích nút **Thêm** và thực hiện cập nhật các thông tin:
 - + Nhóm phương tiện: Chọn nhóm trong danh sách mà đơn vị đã khai báo tại mục 2.5
 - + Nhóm mặt hàng: Chọn mã nhóm mặt hàng.
 - + Hàng hóa: Chọn hàng hóa trong danh sách hàng hóa.
 - + Tổng lượng: Tổng lượng tối đa mà nhóm phương tiện được lấy hàng.
 - + Lượng theo tháng: Tổng lượng tối đa theo tháng mà nhóm phương tiện được lấy.
 - + Lượng theo tuần: Tổng lượng tối đa theo tuần mà nhóm phương tiện được lấy.
 - + Lượng theo ngày: Tổng lượng tối đa theo ngày mà nhóm phương tiện được lấy.

- + Từ ngày, đến ngày: Khoảng thời gian áp dụng quyền lấy hàng.
- + Trạng thái: Còn Hiệu lực/ Hết hiệu lực của quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện.

- + Để sửa thông tin quyền lấy hàng sau khi cập nhật thông tin cần sửa đổi kích nút **Lưu (Ctrl-S)**
- Trường hợp muốn xem các nhóm phương tiện đã được khai báo quyền lấy hàng trong một khoảng thời gian chương trình có các tham số lọc để người dùng chạy lọc số liệu theo dõi từng nhóm

- + Nhóm phương tiện: Nhập nhóm phương tiện cần theo dõi
- + Nhóm hàng hóa: Chọn mã nhóm hàng
- + Hàng hóa: Chọn hàng hóa trong danh sách
- + Từ ngày... Đến ngày: Nhập thời gian Từ ngày....Đến ngày cần lọc số liệu

Quyền lấy hàng của nhóm phương tiện sẽ được hệ thống kiểm tra theo nội dung [tại phụ lục 1](#) của tài liệu.

3.6 Kiểm tra quyền lấy hàng khi thực hiện Trả hàng

3.6.1 Mục đích

Nguyên tắc ưu tiên khi kiểm tra quyền lấy hàng tại hệ thống Portal

3.6.2 Thực hiện

- Trường hợp khách hàng không login, mặc định là khóa quyền lấy hàng
- Điều kiện trả hàng cần thỏa mãn đồng thời cả hai điều kiện sau:
 - + Nằm trong hạn mức của Hợp đồng gốc
 - + Nằm trong hạn mức của hạn mức hợp đồng được giao:
 - o Không được vượt quá hạn mức hợp đồng được giao
 - o Thỏa mãn điều kiện lấy hàng phương tiện/ nhóm phương tiện

- Thứ tự ưu tiên khi kiểm tra quyền lấy hàng theo phương tiện/ nhóm phương tiện:
 - + Ưu tiên quyền lấy hàng theo phương tiện trước quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện
 - + Tại quyền lấy hàng theo phương tiện/nhóm phương tiện:
 - o Ưu tiên 1 cho quyền lấy hàng theo thứ tự có khai báo Mặt hàng/ nhóm mặt hàng/ không khai báo mặt hàng
 - o Ưu tiên 2 cho quyền lấy hàng có từ ngày (ngày hiệu lực) nhỏ hơn
- Kiểm tra quyền lấy hàng (hạn mức theo nhóm phương tiện/ phương tiện):
 - + (*)Kiểm tra lần lượt theo thứ tự các cột Ngày, tuần, tháng, Total (chỉ kiểm tra các cột >0). Vi phạm 1 trong các điều kiện là vi phạm.
 - + Nếu vi phạm thì kiểm tra quyền có mức ưu tiên nhỏ hơn liền sau và lặp lại bước (*) đến hết danh sách
- Kiểm tra Hạn mức công nợ theo HMHD đang có hiệu lực của Đơn vị quản lý Phương tiện:
 - + Cấu trúc tổ chức Khách hàng ký Hợp đồng không có khách trực thuộc: Kiểm tra Hạn mức công nợ của Hợp đồng gốc (công nợ theo Khách ký hợp đồng) như hiện tại
 - + Cấu trúc tổ chức Khách hàng ký Hợp đồng có khách trực thuộc: Kiểm tra Hạn mức công nợ theo khách tại HMHD theo cấp tương ứng, thông tin kiểm tra truy xuất từ:
 - o Hợp đồng gốc
 - o HMHD cấp n tương ứng. Lưu ý với khách có con cần tự giao HMHD cho chính nó thì ưu tiên truy xuất chứng từ có Đơn vị giao = Đơn vị nhận.

3.7 Khóa/Mở khóa quyền lấy hàng cho một nhóm phương tiện

3.7.1 Mục đích

Kiểm tra quyền theo nhóm phương tiện bao gồm nhiều phương tiện cùng chung quyền lấy hàng

3.7.2 Thực hiện

Thiết lập tham số:

- + Thiết lập tham số thời gian @QUOTATIMELOCK: Tính bằng giây, do NSD định nghĩa tại EGAS

Thực hiện kiểm tra theo nguyên tắc:

- + Chỉ kiểm tra Quyền theo Nhóm Phương tiện (bao gồm nhiều Phương tiện cùng chung quyền lấy hàng, giả sử có phương tiện là A và B và các phương tiện khác)
- + Giả sử Phương tiện A giữ quyền lấy hàng (tính từ lúc quét QRCode đến lúc kết thúc giao dịch tại thiết bị POS)

- Nếu thời gian giữ quyền lấy hàng của A < @QUOTATIMELOCK thì trong thời gian đó phương tiện B không được lấy hàng (nhưng vẫn được lấy hàng tại các quyền khác quyền đang xét – nếu có). POS sẽ thông báo khi phương tiện B có yêu cầu lấy hàng như sau: “Phương tiện A đang lấy hàng. Quyền lấy hàng tạm khóa, vui lòng chờ m s” (m là số giây còn lại = @QUOTATIMELOCK – (Thời điểm phương tiện B quét QRCode - Thời điểm phương tiện A quét QRCode))
- Nếu thời gian giữ quyền lấy hàng của A >= @QUOTATIMELOCK thì phương tiện B được lấy hàng tại quyền đang xét không phụ thuộc vào việc phương tiện A đã được trả hàng đã xong hay chưa. Hệ thống sẽ ghi lại thời gian phương tiện B quét QRCode làm căn cứ để thiết lập quyền của phương tiện tiếp theo

3.8 Danh sách báo cáo

3.8.1 Các giao dịch lấy hàng gần đây

Mục đích: Liệt kê các giao dịch lấy hàng gần đây của đơn vị

Thực hiện: Chạy báo cáo tại đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Các giao dịch lấy**

hàng gần đây hoặc kích vào nút  tại thanh menu

CÁC GIAO DỊCH LẤY HÀNG GẦN ĐÂY

Số phương tiện: 29R8-6337 - HOÀNG THẢO
Hợp đồng: HD_1 - Hợp đồng mua XDS đợt 1
Nơi lấy hàng: 212088 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test
Đơn vị: 212 - Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
Chọn đầu ra: HTML   Close after print

STT	Số phương tiện	Ngày lấy	Hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Hợp đồng	Nơi lấy hàng	Đơn vị
1	29R8-6337	9/5/2022 9:52	Xăng RON95-IV	3.45	29.000	100.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
2	29R8-6337	5/5/2022 15:32	Xăng RON95-IV	1.86	29.500	55.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
3	29R8-6337	5/5/2022 15:26	Xăng RON95-IV	4.07	29.500	120.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
4	29R8-6337	5/5/2022 15:16	Xăng RON95-IV	2.68	29.500	79.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
5	29R8-6337	5/5/2022 13:26	Xăng RON95-IV	1.69	29.500	50.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
6	29R8-6337	5/5/2022 9:02	Xăng RON95-IV	1.67	30.000	50.000	PLX-ANHNHAT1	PETROLIMEX- CỬA HÀNG 88_KTM_Test	Xi nghiệp bán lẻ xăng dầu KV1
TỔNG CỘNG				15,42	177.000	454.000			

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
1	Số phương tiện	Mã – tên phương tiện				Không chọn sẽ ra tất cả giao dịch các phương tiện
2	Hợp đồng	Mã – tên hợp đồng				Không chọn sẽ ra tất cả giao dịch của các hợp đồng
3	Nơi lấy hàng	Mã-tên cửa hàng XD				Không chọn sẽ ra tất cả giao dịch tại các nơi lấy hàng
4	Đơn vị	Mã-tên đơn vị mà nơi lấy hàng trực thuộc				Không chọn sẽ ra tất cả giao dịch tại các nơi lấy

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc	Mô tả thêm
						hàng của các đơn vị
5	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML		

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Số phương tiện	Ký tự		Mã phương tiện
2	Ngày lấy	Ngày tháng		Ngày giờ lấy hàng của phương tiện
3	Hàng hóa	Ký tự		Tên hàng hóa
4	Số lượng	Số		Số lượng hàng hóa của giao dịch
5	Đơn giá	Số		Giá bán lẻ của hàng hóa
6	Thành tiền	Số		Tổng tiền của giao dịch
7	Hợp đồng	Ký tự		Mã hợp đồng
8	Nơi lấy hàng	Ký tự		Tên cửa hàng XD mà phương tiện lấy hàng
9	Đơn vị	Ký tự		Tên đơn vị mà CHXD trả hàng cho phương tiện trực thuộc

3.8.2 Bảng kê lấy hàng

Mục đích: Theo dõi quyền lấy hàng, tình hình lấy hàng theo từng hợp đồng

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Bảng kê lấy hàng**

BẢNG KÊ LẤY HÀNG

[Chọn nhanh] ▼ Từ ngày: 11/4/2022 Đến ngày: 11/5/2022 23:59												
Hợp đồng: HD_1 - Hợp đồng mua XDS đợt 1												
Chọn đầu ra: HTML												
BẢNG KÊ LẤY HÀNG												
Khách hàng: Công ty TNHH Anh Nhật												
STT	Quyền lấy hàng							Thực hiện				
	Phương tiện/Nhóm phương tiện	Mặt hàng	Tổng lượng	Lượng theo tháng	Lượng theo tuần	Lượng theo ngày	Từ ngày	Đến ngày	Hàng hóa	Số lượng	Thành tiền	Hợp đồng
1	29R8-6337	DO 0.5S	1.000.000,00				1/4/2022	31/5/2022	Xăng RON95-IV	17,09	504.000	PLX-ANHNHAT1 - Hợp đồng mua XDS đợt 1
2	Xe máy	Xăng E5 RON 92-II	2.000,00			100,00	1/4/2022	31/12/2022	Xăng RON95-IV	16,47	482.000	PLX-ANHNHAT1 - Hợp đồng mua XDS đợt 1
3									Xăng RON95-IV	2,30	66.700	PLX-ANHNHAT1 - Hợp đồng mua XDS đợt 1
TỔNG CỘNG										35,86	1.052.700	

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1.	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	1. Từ đầu tháng 2. Tháng này 3. Tháng trước 4. Từ đầu năm 5. Quý 1 6. Quý 2 7. Quý 3 8. Quý 4 9. Cả năm		
2.	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
3.	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
4.	Hợp đồng	Mã- tên hợp đồng			Không chọn sẽ ra dữ liệu tất cả các hợp đồng
5.	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Phương tiện/ Nhóm phương tiện	Ký tự		Mã phương tiện/ nhóm phương tiện
2	Mặt hàng	Ký tự		Tên hàng hóa

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
3	Tổng lượng	Số		Tổng lượng mà phương tiện/nhóm phương tiện được lấy theo khai báo tại quyền lấy hàng mục 2.10;2.11
4	Lượng theo tháng	Số		Tổng lượng mà phương tiện/nhóm phương tiện được lấy theo tháng khai báo tại quyền lấy hàng mục 2.10;2.11
5	Lượng theo tuần	Số		Tổng lượng mà phương tiện/nhóm phương tiện được lấy theo tuần khai báo tại quyền lấy hàng mục 2.10;2.11
6	Lượng theo ngày	Số		Tổng lượng mà phương tiện/nhóm phương tiện được lấy theo ngày khai báo tại quyền lấy hàng mục 2.10;2.11
7	Từ ngày	Ngày tháng		Từ ngày được khai báo tại mục 2.10;2.11
8	Đến ngày	Ngày tháng		Đến ngày được khai báo tại mục 2.10;2.11
9	Hàng hóa	Ký tự		Tên hàng hóa mà phương tiện/ nhóm phương tiện đã lấy
10	Số lượng	Số		Số lượng hàng hóa mà phương tiện/ nhóm phương tiện đã lấy
11	Thành tiền	Số		Tổng tiền đã lấy hàng của phương tiện/nhóm phương tiện
12	Hợp đồng	Ký tự		Tên hợp đồng

3.8.3 **Bảng kê giao dịch theo đơn vị cấp hàng**

Mục đích: Theo dõi quyền lấy hàng, tình hình lấy hàng theo từng hợp đồng

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Bảng kê giao dịch theo đơn vị cấp hàng**

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH THEO ĐƠN VỊ CẤP HÀNG

[Chọn nhanh] ▼ Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 5/9/2022 23:59

Số phương tiện:

Hợp đồng:

Nơi lấy hàng:

Đơn vị:

Quyền lấy hàng:

Chọn đầu ra: HTML

GOTO: Theo CHXD Theo hàng hóa

BẢNG KÊ CHI TIẾT GIAO DỊCH THEO ĐƠN VỊ CẤP HÀNG

STT	Đơn vị/ Nơi lấy hàng/ Hàng hóa	Số phương tiện	Ngày lấy	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Quyền lấy hàng	Hợp đồng
1	212 - XÍ NGHIỆP BÁN LẺ XĂNG DẦU - CTY XD KV1 - CTY TNHH MTV			33,22		787.880		
1.1	212063 - PETROLIMEX- CỬA HÀNG 63_Client UAT			33,22		787.880		
1	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	76H-12345	22/8/2022 11:03	3,00	23.720	71.160 oto		176
2	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	70T-12345	22/8/2022 11:04	2,00	23.720	47.440 oto		176
3	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	76H-12345	22/8/2022 11:25	2,11	23.720	50.000 oto		176
4	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	76H-12345	23/8/2022 8:56	1,00	23.720	23.720 oto		176
5	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	70T-12345	23/8/2022 8:57	1,00	23.720	23.720 oto		176
6	0201004 - Xăng E5 RON 92-II	76H-12345	23/8/2022 15:39	2,00	23.720	47.440 oto		176

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Chọn nhanh	Chọn nhanh thời gian khi chạy báo cáo	10. Từ đầu tháng 11. Tháng này 12. Tháng trước 13. Từ đầu năm 14. Quý 1 15. Quý 2 16. Quý 3 17. Quý 4 18. Cả năm		
2	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
3	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
4	Số phương tiện	Số phương tiện lấy hàng			
5	Hợp đồng	Mã- tên hợp đồng			Không chọn sẽ ra dữ liệu tất cả các hợp đồng
6	Nơi lấy hàng	Điểm nhận hàng			
7	Đơn vị	Đơn vị cung cấp dịch vụ			

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
8	Quyền lấy hàng	Chọn quyền lấy hàng theo phương tiện / Nhóm phương tiện lấy hàng			
9	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	
10	Goto	Chọn mẫu báo cáo	Chọn mẫu báo cáo sắp xếp theo CHXD / theo mặt hàng		

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Đơn vị/ Nơi lấy hàng/ Hàng hóa	Ký tự		Đơn vị/ Nơi lấy hàng/ Hàng hóa
2	Số phương tiện	Ký tự		Số phương tiện
3	Ngày lấy	Date		Ngày lấy hàng
4	Số lượng	Số		Số lượng hàng hóa mà phương tiện/ nhóm phương tiện đã lấy
5	Đơn giá	Số		Giá hàng hóa
6	Thành tiền	Số		Tổng tiền đã lấy hàng của phương tiện/nhóm phương tiện
7	Quyền lấy hàng	Ký tự		Quyền lấy hàng theo phương tiện / Theo nhóm phương tiện
8	Hợp đồng	Ký tự		Tên hợp đồng

3.8.4 Tình hình thực hiện hợp đồng

Mục đích: Theo dõi tình hình thực hiện theo từng hợp đồng

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn **Menu/ Chức năng/ Tình hình thực hiện hợp đồng**

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Từ ngày: 01/01/2022 Đến ngày: 5/9/2022 23:59

Chọn đầu ra: HTML

	Hợp đồng						Thực hiện		
	Số	Tên	Từ ngày	Đến ngày	Hạn mức tiền	Hạn mức lượng	Hàng hóa	Số lượng	Thành tiền
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	25/6/2022	29/6/2022	200.000.000		Xăng RON95-III	1.340,00	44.045.800
2	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	21/7/2022	1/8/2022		12.000	Xăng RON 95-V	340,00	9.095.000
3	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	2/8/2022	31/12/2022		100.000	Xăng RON95-III	7.630,00	190.181.574
4	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	24/6/2022	24/6/2022	100.000.000		Xăng RON95-III	380,00	12.490.600
5	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	21/7/2022	1/8/2022		12.000	Xăng RON95-III	1.790,00	46.491.400
6	01VBHTQ	Hợp đồng bán hàng toàn quốc	15/6/2022	23/6/2022	80.000.000		DO 0.001S-V	90,00	2.683.800

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo			X
3	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Số hợp đồng	Ký tự		Số hợp đồng
2	Tên	Ký tự		Tên hợp đồng
3	Từ ngày	Date		Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo
4	Đến ngày	Date		Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo
6	Hạn mức hàng	Ký tự		Hạn mức theo tiền
7	Hạn mức lượng	Ký tự		Hạn mức theo lượng
8	Thực hiện Hàng hóa	Ký tự		Hàng hóa đã lấy theo hợp đồng

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
9	Thực hiện Lượng	Số		Số lượng hàng hóa mà phương tiện/ nhóm phương tiện đã lấy
10	Thành tiền	Số		Tổng tiền đã lấy hàng của phương tiện/nhóm phương tiện

4. SỬ DỤNG ĐIỂM

4.1 Tạo và quản lý phiếu điểm tại Portal

Tạo phiếu điểm gồm 03 bước:

- Bước 1: Thiết lập quyền quản lý phiếu điểm
 - Tạo/ Đã có tài khoản PLXID là Khách Tổ chức
 - Tạo/ Đã có tài khoản Portal bằng cách login Portal
 - Thiết lập tham số “Quản lý Phiếu điểm” = “ON”
- Bước 2: Khai báo Masterdata
 - Khai báo user Lái xe
 - Khai báo danh mục Nhóm Phương tiện
 - Khai báo danh mục Phương tiện và Số điện thoại của Lái xe
- Bước 3: Quản lý phiếu điểm
 - Tạo mới Phiếu điểm cho Phương tiện
 - Đổi trạng thái của phiếu điểm

4.1.1 Thiết lập quyền “Quản lý phiếu điểm”

4.1.1.1 Mục đích

Thiết lập tham số ‘Quản lý phiếu điểm’ cho Khách hàng tổ chức

4.1.1.2 Thực hiện

Khách tổ chức đăng nhập vào hệ thống Portal

EGAS PORTAL

Phone No/EGAS ID: 02183867374 ☒ Nhớ

Mật khẩu: ☒ Nhớ

Phương thức: **PLXID**

- Login Portal: Chọn phương thức = PLXID
- Chọn Menu Thông tin người dùng

+ Quản lý phiếu điểm = OFF (mặc định) ☐ không tạo phiếu điểm

Kho bạc huyện Mai Châu

Tài khoản: 02183867374

Chế độ màu: Standard

Chọn font: Arial tiêu chuẩn

Start page: Default

Quản lý phiếu điểm ☐

QRCode

+ Chuyển 'ON' để có quyền tạo Phiếu điểm

Kho bạc huyện Mai Châu

Tài khoản: 02183867374

Chế độ màu: Standard

Chọn font: Arial tiêu chuẩn

Start page: Default

Quản lý phiếu điểm ☒

QRCode

4.1.2 Khai báo MasterData

4.1.2.1 Thiết lập tài khoản User lái xe

Xem chi tiết tại mục 2.3 Đăng ký tài khoản lái xe

The screenshot shows the 'EGAS PORTAL - Đăng ký tài khoản lái xe' (EGAS PORTAL - Register driver account) form. It includes the following fields:

- Số di động (Mobile number): 0904989822 (*)
- Họ và tên (Full name): Hoàng Nguyễn Thảo (*)
- Mật khẩu (Password): masked with dots (*)
- Nhập lại mật khẩu (Repeat password): masked with dots (*)

A 'Đăng ký' (Register) button is located at the bottom right.

- Lái xe có thể tự đăng ký tài khoản user Lái xe để đăng nhập vào trang Portal. Hoặc Chủ hàng có thể khai báo đăng ký hộ tài khoản cho Lái xe của mình.
- Phương thức: Vai trò lái xe **Chọn Lái xe**

The screenshot shows the 'EGAS PORTAL' login form. It includes the following fields:

- Phone No/EGAS ID: 0963159088
- Mật khẩu (Password): masked with dots
- Phương thức (Method): A dropdown menu currently showing 'PLXID'. The dropdown is open, showing options: 'Lái xe' (selected), 'Thành viên quản trị' (Admin member), and 'PLXID'.

There are checkboxes for 'Nhớ' (Remember) next to the ID and password fields. A red 'X' icon is visible next to the method dropdown.

4.1.2.2 Thiết lập Dm nhóm phương tiện

The screenshot shows the 'Danh sách nhóm phương tiện' (Vehicle Group List) form. It includes the following fields:

- Mã nhóm (Group code): 2 (*)
- Tên nhóm (Group name): Nhóm công trình 2 (*)
- Tên ngắn (Short name): NHOM2
- Hoạt động (Activity): A dropdown menu showing 'Hoạt động'.

Below the form, there is a section titled 'Gán phương tiện' (Assign vehicle) with a sub-header 'Gán xe vào nhóm /Nhóm công trình 2' (Assign vehicle to group /Group construction 2). A 'Thêm' (Add) button is present. Below this, there is a table with columns 'Số xe' (Vehicle number) and 'Tên' (Name). The first row shows '1 29R8-6337 HOÀNG THẢO' with a checkbox.

- Nhóm phương tiện

- Gán xe vào nhóm phương tiện

4.1.2.3 Thiết lập Dm Phương tiện và Số điện thoại của lái xe

- Thêm mới phương tiện và Đổi trạng thái phương tiện
- Gán số điện thoại
 - o Khai báo theo thời gian để lái xe nhận được thông tin phiếu điểm.

4.1.2.4 Thiết lập QrCode Phương tiện

- Vào menu Danh sách phương tiện bấm View Qrcode của phương tiện

4.1.3 Tạo Phiếu điểm cho phương tiện

4.1.3.1 Nguyên tắc

- Với mỗi Phương tiện, tại một thời điểm chỉ có một Phiếu điểm có hiệu lực. Từ ngày = Ngày phiếu (SysDate) + 1

Tạo phiếu điểm mới cho 1 phương tiện:

$$\text{Từ ngày} = \text{Ngày phiếu (SysDate)} + 1$$

Đến ngày – Ngày phiếu <=30 ngày

- Có thể khai báo nhiều Phiếu sao cho giá trị tổng các Phiếu được tạo ra không vượt quá số điểm khả dụng của Khách đang có
- Phiếu điểm chỉ được phép dùng duy nhất 01 lần
- Phiếu có hiệu lực
 - o Phiếu có trạng thái ‘Chưa sử dụng’
 - o Giá trị Đến ngày >=Ngày hiện tại

4.1.3.2 Thực hiện

- Cho phép khách tạo nhiều Phiếu điểm đồng thời cho các phương tiện, mỗi Phiếu điểm bao gồm các thông tin sau:
 - o Số phiếu: Hệ thống sinh tự động theo quy tắc tăng dần với ký hiệu “TK.”
 - o Ngày tạo phiếu: Là ngày giờ hệ thống (có định dạng dd/mm/yyyy hh:mm), không cho NSD sửa
 - o Số phương tiện : Chọn từ danh sách Phương tiện được gán cho Chủ hàng
 - o Số điểm: Thể hiện Số điểm trên mỗi phiếu, mỗi điểm có giá trị quy đổi tương đương với 1 VND. Số điểm > 0
 - o Điểm sử dụng: Khởi tạo = 0
 - o Điểm hạch toán: Khởi tạo = 0
 - o Thời gian hiệu lực: Từ ngày.. Đến ngày (có định dạng dd/mm/yyyy hh:mm). Từ ngày phải bắt đầu vào Ngày tạo phiếu + 1 (hiệu lực từ 00h00). Đến ngày – Ngày phiếu <=30 ngày
 - o Trạng thái: Có các trạng thái Chưa sử dụng, Đã đăng ký, Đã sử dụng, Hủy

4.1.4 Trạng thái phiếu điểm – Sửa phiếu

- Mỗi phiếu điểm đều được gán với trạng thái:
 - + Người sử dụng thao tác:
 - o Trạng thái khi tạo Phiếu mới thành công
 - o Chuyển thủ công từ trạng thái “Chưa sử dụng” về trạng thái “Hủy”
 - o Chuyển thủ công từ trạng thái “Đã đăng ký” về trạng thái “Chưa sử dụng”
 - + Hệ thống chuyển tự động:
 - o Chuyển tự động từ trạng thái “Chưa sử dụng” về trạng thái “Đã đăng ký”.

- Chuyển tự động từ trạng thái “Đã đăng ký” về trạng thái “Đã sử dụng”
- Chuyển tự động từ trạng thái “Đã đăng ký” về trạng thái “Chưa sử dụng”

- Phiếu điểm ở trạng thái “Chưa sử dụng” mới được phép Sửa:

Điều kiện: Đến ngày – Thời điểm sửa > 24h

Thông tin được sửa: Phương tiện / Số điểm

4.1.5 Quản lý phiếu điểm – Gửi thông báo

- Mẫu thông báo gửi cho Lái xe

Số xe <Số phương tiện> của Quý khách được <Trạng thái> Phiếu đổi quà tặng <Số chứng từ> có giá trị <Số điểm>. Hạn sử dụng từ ngày <Từ ngày> đến hết ngày <Đến ngày> tại các cửa hàng của Petrolimex

4.2 Tạo lại mã PIN

4.2.1 Khách Tổ chức không quản lý Phiếu điểm sẽ sử dụng mã PIN của chủ hàng

Áp dụng cho khách Tổ chức không quản lý Phiếu điểm sẽ sử dụng mã PIN của chủ hàng. Số điểm khả dụng được sử dụng tương tự như khách Cá nhân

Khách Tổ chức đã có mã PIN khi tạo PLXID

Login Portal: **Số điện thoại của chủ hàng**

Chọn phương thức: **PLXID**

Vào Menu Thông tin khách hàng:

- Quản lý phiếu điểm: **OFF**
- Bấm **Tạo mã PIN**

công ty M88

Tài khoản 0983098499

Chế độ màu Standard ▾

Chọn font Arial tiêu chuẩn ▾

Start page Default ▾

Quản lý phiếu điểm ☐

QRCode

print Image

Tạo mã PIN ↓

AYScripting - LOGIN dịch BOSD

công ty M88

Tài khoản 0983098499

Chế độ màu Standard ▾

Chọn font Arial tiêu chuẩn ▾

Start page Default ▾

Quản lý phiếu điểm ☐

QRCode

print Image

Tạo mã PIN ↑

Mã PIN cũ:

Mã PIN mới:

Nhập lại mã PIN:

Đổi mã PIN

+ Nhập thông tin : PIN cũ, PIN mới, Nhập lại mã PIN

+ Tích chọn : ĐỔI MÃ PIN

Hệ thống sẽ thông báo kết quả sau khi đổi PIN thành công

công ty M88

Tài khoản: 0983098499

Chế độ màu: Standard

Chọn font: Arial tiêu chuẩn

Start page: Default

Quản lý phiếu điểm: ☐

QRCode

print Image

Tạo mã PIN ↑

Mã PIN cũ: 123456

Mã PIN mới:

Nhập lại mã PIN:

Đổi mã PIN

Đổi mã PIN thành công!
Mã PIN sẽ được gửi đến số điện thoại!

4.2.2 Khách Tổ chức có sử dụng Phiếu điểm sẽ sử dụng mã PIN của lái xe + Tạo mã PIN lần đầu:

Login Portal: **Số điện thoại của Lái xe**

Chọn phương thức: **Lái xe**

EGAS PORTAL

Phone No/EGAS ID: 0963098422 ☒ Nhớ

Mật khẩu: ☒ Nhớ

Phương thức: **Lái xe** > ✖

Vào Menu Thông tin khách hàng

- Bấm **Tạo mã PIN**

← → ↻ Not secure | http://uat-egasportal.piacom.com.vn/UHome/UHome7.aspx

AYScripting - LOGIN dịch BOSD

Phạm Minh Chính

Tài khoản 0963098422

Chế độ màu Standard ▾

Chọn font Arial tiêu chuẩn ▾

Start page Default ▾

Tạo mã PIN ↑

Mã PIN mới:

Nhập lại mã PIN:

Đổi mã PIN

Nhập thông tin : Mã PIN mới, Nhập lại mã PIN

Tích chọn : **ĐỔI MÃ PIN**

Hệ thống sẽ thông báo tạo mã PIN thành công, thông tin mã PIN sẽ được gửi về số điện thoại đã đăng ký

+ **Tạo lại mã PIN:**

Login Portal: **Số điện thoại của Lái xe**

Chọn phương thức: **Lái xe**

EGAS PORTAL

Phone No/EGAS ID 0963098422 ☒ Nhớ

Mật khẩu ☒ Nhớ

Phương thức Lái xe ▾

Vào Menu Thông tin khách hàng
Bấm **Tạo mã PIN**

Phạm Minh Chính

Tài khoản 0963098422

Chế độ màu Standard ▾

Chọn font Arial tiêu chuẩn ▾

Start page Default ▾

Tạo mã PIN ↓

Nhập thông tin: Mã PIN cũ, Mã PIN mới, Nhập lại mã PIN mới

Bấm: Đổi mã PIN

→ ↺ ⚠ Not secure | http://uat-egasportal.piacom.com.vn/UHome/UHome7.aspx

AYScripting - LOGIN 🌐 dịch 📄 BOSD 📘

Phạm Minh Chính

Tài khoản 0963098422

Chế độ màu Standard ▾

Chọn font Arial tiêu chuẩn ▾

Start page Default ▾

Tạo mã PIN ↑

Mã PIN cũ: 123321

Mã PIN mới:

Nhập lại mã PIN:

Đổi mã PIN

Hệ thống sẽ thông báo đổi mã PIN thành công

Phạm Minh Chính

Tài khoản 0963098422

Chế độ màu Standard

Chọn font Arial tiêu chuẩn

Start page Default

Tạo mã PIN

Mã PIN cũ: 123321

Mã PIN mới:

Nhập lại mã PIN:

Đổi mã PIN

Đổi mã PIN thành công!
Mã PIN sẽ được gửi đến số điện thoại!

4.3 Danh sách báo cáo

4.3.1 Danh sách Phiếu điểm

Mục đích: Danh sách phiếu điểm của từng phương tiện

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn *Menu/ Chức năng/ Danh sách phiếu điểm*

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
3	Phương tiện	Chọn mã phương tiện			
4	Trạng thái	Lọc theo trạng thái của Phiếu điểm			
5	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Số phiếu	Ký tự		Số phiếu điểm
2	Ngày phiếu	Date		Ngày tạo phiếu điểm

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
3	Số điểm	Số		Số điểm được tích lũy
4	Từ ngày	Date		Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo
6	Đến ngày	Date		Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo
7	Ngày ĐK/SD	Date		Ngày đăng ký/ sử dụng phiếu điểm
8	Điểm sử dụng	Số		Số điểm sử dụng
9	Điểm hạch toán	Số		Số điểm hạch toán
10	Trạng thái	Ký tự		Trạng thái của Phiếu điểm

4.3.2 **Bảng tổng hợp sử dụng điểm**

Mục đích: Bảng tổng hợp sử dụng điểm của từng phương tiện

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn *Menu/ Chức năng/ Bảng tổng hợp sử dụng điểm*

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
3	Phương tiện	Chọn mã phương tiện			
4	Trạng thái	Lọc theo trạng thái của Phiếu điểm			
5	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Phương tiện	Ký tự		Mã phương tiện sử dụng điểm
2	Phiếu	Ký tự		Điểm của từng Phiếu điểm
3	Sử dụng	Ký tự		Sử dụng điểm của phương tiện/ phiếu
4	Còn lại	Ký tự		Số điểm còn lại

4.3.3 *Lịch sử giao dịch – Tích điểm – Sử dụng điểm của ID*

Mục đích: Bảng lịch sử giao dịch sử dụng điểm của từng khách hàng

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn *Menu/ Chức năng/ Lịch sử giao dịch tích điểm ID*

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
3	Công ty	Đơn vị xuất hàng			
4	CHXD	Địa điểm trả hàng			
5	Hàng hóa	Hàng hóa đã lấy			
6	Phương tiện	Phương tiện lấy hàng			
7	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Ngày mua hàng	Date		Ngày khách lấy hàng
2	Mã PLXID	Ký tự		Mã PLXID của khách hàng

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
3	Tên khách hàng	Ký tự		Tên khách hàng
4	Mã khách dịch vụ	Ký tự		Mã khách hàng
5	Hàng hóa	Ký tự		Mặt hàng lấy
6	Số lượng	Số		Số lượng lấy
7	Thành tiền	Số		Tổng tiền lấy hàng
8	Thanh toán KTM	Số		Số tiền thanh toán KTM
9	Thanh toán TM	Số		Số tiền thanh toán TM
10	Sử dụng điểm để nhận hàng	Số		Số điểm sử dụng nhận hàng
11	Điểm thưởng	Số		Điểm thưởng của khách
12	Phương tiện sử dụng	Ký tự		Mã phương tiện khách đến lấy hàng
13	Đơn vị bán hàng	Ký tự		Đơn vị bán hàng
141	CHXD	Ký tự		Điểm bán hàng
15	Thời hạn sử dụng điểm	Ký tự		Thời hạn sử dụng điểm của phiếu

4.3.4 Báo cáo chi tiết tích điểm ID

Mục đích: Báo cáo chi tiết tích điểm ID của khách hàng

Thực hiện: Chạy báo cáo theo đường dẫn Menu/ Chức năng/ Báo cáo chi tiết tích điểm ID

Tham số chạy báo cáo

STT	Tham số	Mô tả	Điều kiện lọc	Giá trị mặc định	Bắt buộc
1	Từ ngày	Ngày giờ bắt đầu khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
2	Đến ngày	Ngày giờ kết thúc khoảng thời gian lấy dữ liệu báo cáo	Trong khoảng thời gian tạo phiếu		X
3	Tìm theo PLXID	Tìm theo số PLXID của khách hàng			
4	Công ty	Đơn vị xuất hàng			
5	CHXD	Địa điểm trả hàng			
6	Hàng hóa	Hàng hóa đã lấy			
7	Sắp xếp theo	Sắp xếp theo CHXD/ Phương tiện			
8	Chọn đầu ra	Định dạng file kết xuất báo cáo	Chọn 1 định dạng từ danh sách có sẵn	HTML	

Các trường báo cáo

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
1	Mã ID	Ký tự		Mã PLXID của khách hàng
2	Tên ID	Ký tự		Tên khách hàng
3	Mã khách EGAS	Ký tự		Mã khách hàng
4	Thời gian mua hàng	Date		Thời gian lấy hàng
5	Loại hàng	Ký tự		Mặt hàng đã lấy
6	Sản lượng	Ký tự		Sản lượng
7	Doanh thu	Ký tự		Doanh thu
8	Thanh toán KTM	Ký tự		Số tiền thanh toán KTM
9	Thanh toán TM	Ký tự		Số tiền thanh toán TM

STT	Tên trường hệ thống	Định dạng Format	Độ dài Length	Quy tắc/hướng dẫn
10	Phương tiện sử dụng	Ký tự		Mã phương tiện khách lấy hàng
11	Tích điểm tự động từ POS	Ký tự		Số điểm tích tự động từ thiết bị POS
12	Tích điểm thủ công có log	Ký tự		Số điểm tích thủ công có log bán hàng
13	Tích điểm thủ công không có log	Ký tự		Số điểm tích thủ công không có log bán hàng
14	Tổng	Ký tự		Tổng điểm tích điểm
15	Công ty xăng dầu	Ký tự		Đơn vị bán hàng
16	CHXD	Ký tự		Điểm bán hàng

PHỤ LỤC 1: QUẢN LÝ QUYỀN LẤY HÀNG VỚI NGƯỜI NHẬN

- Trên cơ sở hợp đồng đã được tạo chủ hàng khi có nhu cầu lấy hàng sẽ thực hiện tạo hạn mức lấy hàng trên phần mềm để giao cho Người nhận hàng, chỉ khi có hạn mức trên hệ thống thì Người nhận hàng mới được lấy hàng tại các cửa hàng.
- Hạn mức được tạo tại Portal dành riêng cho khách hàng, hệ thống Portal được kết nối dữ liệu với hệ thống EGAS để lấy các thông tin hợp đồng, cũng như kết nối với hệ thống PLXID để lấy thông tin PLXID, giúp cho người dùng đăng nhập bằng PLXID để quản lý được các phương tiện liên quan (QR Code như ở móc chìa khóa).
- Hạn mức được tạo ra có thể cho 01 phương tiện, hoặc cho nhóm phương tiện.
- Hệ thống Portal được kết nối với hệ thống Egas để lấy thông tin hợp đồng, kết nối với hệ thống PLXID để lấy thông tin PLXID.

Lưu ý:

- *Ngoài việc kiểm tra hạn mức lấy hàng theo hợp đồng/ Hạn mức hợp đồng nếu Khách hàng thiết lập quyền lấy hàng tại Portal thì sẽ ưu tiên kiểm tra trước.*
 - *Quyền lấy hàng theo phương tiện: Hạn mức được tạo cho 1 phương tiện*
 - *Quyền lấy hàng theo nhóm phương tiện: Hạn mức được tạo cho nhóm phương tiện*
- *Thứ tự ưu tiên đối với các quyền còn hiệu lực: (Ngày xuất hàng nằm trong khoảng thời gian của quyền lấy hàng)*
 - *Ưu tiên quyền lấy hàng theo Phương tiện trước quyền lấy hàng theo Nhóm phương tiện*
 - *Tại quyền lấy hàng theo Phương tiện/Nhóm phương tiện:*
 - *Ưu tiên 1 cho quyền lấy hàng có mặt hàng trước quyền lấy hàng không khai báo mặt hàng*
 - *Ưu tiên 2 cho quyền lấy hàng có Từ ngày (Ngày bắt đầu hiệu lực) nhỏ hơn*

PHỤ LỤC 2: BẢNG MÔ TẢ NHÓM QUYỀN CHO USER

Nhóm quyền cho User

Nhóm Quyền	User Ký hợp đồng	User Đơn vị trực thuộc	Quản lý Nhóm Phương tiện	Lái xe
TQ100 - Full quyền	X			
TQ101 - Tạo User		X		
TQ102 - Quản lý Danh mục		X		
TQ103 - Quản lý Hạn mức Hợp đồng		X		
TQ104 - Quản lý Hạn mức Thực hiện			X	
TQ105 - View QRCode			X	X
TQ106 - Báo cáo cho Nhân viên		X	X	X
TQ107 - Báo cáo cho Quản lý		X		

Bảng mô tả nhóm quyền

STT	Nhóm Quyền	Mô tả
1	TQ100 - Full quyền	Bao gồm tất cả các quyền của các nhóm quyền có tiền tố TQ còn lại. Có các role sau: - Được edit chứng từ của User khác - Được quyền import dữ liệu từ excel
2	TQ101 - Tạo User	Full quyền với Danh mục User bao gồm User, Phân quyền, Reset pass
3	TQ102 - Quản lý Danh mục	Full quyền với Danh mục Nhóm Phương tiện và Phương tiện
4	TQ103 - Quản lý Hạn mức Hợp đồng	Full quyền với chức năng Quản lý Hạn mức Hợp đồng
5	TQ104 - Quản lý Hạn mức Thực hiện	Full quyền với chức năng Quản lý Hạn mức Thực hiện
6	TQ105 - View QRCode	Được view QRCode theo user đăng nhập: Lái xe được view với xe mà user gắn với xe, Quản lý Nhóm Phương tiện với các xe thuộc Nhóm Phương tiện. Các user còn lại không áp dụng
7	TQ106 - Báo cáo cho Nhân viên	Các báo cáo sau: - Bảng kê giao dịch lấy hàng - Bảng kê lấy hàng theo quyền - Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ
8	TQ107 - Báo cáo cho Quản lý	Các báo cáo sau: - Bảng kê giao dịch lấy hàng (hóa đơn) - Bảng kê giao dịch theo đơn vị cấp - Bảng kê chi tiết xuất bán khách dịch vụ (hóa đơn) - Tình hình thực hiện Hợp đồng - Sổ theo dõi công nợ

PHỤ LỤC 3: ĐỊNH DẠNG BIỂN SỐ XE

Định dạng đúng của biển số xe:

- Kiểu 1 (có 10-11 ký tự) áp dụng cho các biển số trong nước: <AA><BB>.<CCC>.<DD> (Ví dụ: 29A-123.45, 29AB-456.78), trong đó:
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm từ 1 đến 2 ký tự là chữ
 - C: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
 - D: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
- Kiểu 2 (có 8-9 ký tự) áp dụng cho các biển số trong nước: <AA><BB>.<CCCC> (Ví dụ: 29A-1234), trong đó:
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm từ 1 đến 2 ký tự là chữ
 - C: bao gồm 4 ký tự là kiểu số
- Kiểu 3 (có 12 ký tự) áp dụng cho các biển số xe ô tô nước ngoài: <AA>.<BBB>.<CC>.<DD> (Ví dụ: 80-346-NG-27)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
 - C: bao gồm 2 ký tự là chữ cái
 - D: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
- Kiểu 4 (có 8 ký tự) áp dụng cho biển số xe quân sự : <AA>.<BB>.<CC> (Ví dụ: TH-52-73)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu chữ
 - B: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - C: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
- Kiểu 5 (có 11 ký tự) áp dụng cho biển số xe máy trong nước kiểu mới: <AA>.<BB>.<CCC>.<DD> (Ví dụ: 29-K6-447.43)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm 2 ký tự là kiểu chữ và số
 - C: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
 - D: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
- Kiểu 6 (có 10 ký tự) áp dụng cho biển số xe máy trong nước kiểu cũ: <AA>.<BB>.<CCCC> (Ví dụ: 29-K6-4473)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm 2 ký tự là kiểu chữ và số
 - C: bao gồm 4 ký tự là kiểu số
- Kiểu 7 (có 13 ký tự) áp dụng cho biển số xe máy nước ngoài: <AA>.<BB>.<CCCC> (Ví dụ: 29-121-NN-101)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu số
 - B: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
 - C: bao gồm 2 ký tự là kiểu chữ
 - D: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
- Kiểu 8 (có 10 ký tự) áp dụng cho biển số đăng ký tạm thời: <AAA>.<BBB>.<CC> (Ví dụ: T80-235.88)
 - A: bao gồm 3 ký tự là kiểu chữ và số
 - B: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
 - C: bao gồm 2 ký tự là kiểu số

- Kiểu 9 (có 6 ký tự gồm 2 chữ - 3 số) áp dụng cho biển số xe quân sự (theo chỉnh sửa bổ sung tháng 1/2026):
2 chữ - 3 số (QS-914)
<AA>-<BBB> (Ví dụ: QS-914)
 - A: bao gồm 2 ký tự là kiểu chữ
 - B: bao gồm 3 ký tự là kiểu số
- Kiểu 10 (có 11 ký tự) áp dụng cho biển số xe hoạt động bị hạn chế (như các xe hoạt động trong khu du lịch, khu di tích,...)
<AABB>-<CCC>.<DD> (Ví dụ: 29HC-123.45)
 - AA: bao gồm 2 ký tự số
 - BB: bao gồm 2 ký tự chữ
 - CCC: bao gồm 3 ký tự số
 - DD: bao gồm 2 ký tự số
- Kiểu 11 (có 9 ký tự) áp dụng cho biển số quân sự:
<AA>-<BBB>-<CC> (Ví dụ: 29-578-TV hoặc 29-578-T8)
 - AA: bao gồm 2 ký tự số
 - BB: bao gồm 3 ký tự số
 - CC: bao gồm 2 ký tự chữ/hoặc số

=====